

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
SÀI GÒN – HÀ NỘI SECURITIES JOINSTOCK COMPANY

BÁO CÁO THỰC HIỆN 2014

Hội sở

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1, Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84-4-38181 888
Fax: 84-4-38181 688
Email: contact@shs.com.vn
Website: <http://www.shs.com.vn>

Chi nhánh Tp.HCM

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236 -238, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: 84-8-3945 1368
Fax: 84-8-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 84-511 3525 777
Fax: 84-511 3523 779
Email: contact-dn@shs.com.vn

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỀU P C A CH TỊCH HĐQT	3
TỔNG QUAN SHS	5
THÔNG TIN SHS	5
TỔ M NHÌN – S M NH – GIÁ TR C T LỖI	6
LỊCH S PHÁT TRI N	6
CÁC GIỚI TH NG Đ T Đ C	8
NGÀNH NGH KINH DOANH	8
M NG L I HO T Đ NG	9
ĐNH H NG PHÁT TRI N	9
MÔ HÌNH QU N TR	10
C C U B MÁY QU N LÝ	11
CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN K T	12
TÌNH HÌNH HO T Đ NG NĂM 2013	13
K T QU HO T Đ NG KINH DOANH NĂM 2013	13
T CH C VÀ NHÂN S	15
TÌNH HÌNH Đ U T VÀ TH C HI N CÁC Đ ÁN Đ U T L N	18
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2013	18
C C U C ĐÔNG, THAY Đ I V N Đ U T C A CH S H U	19
BÁO CÁO C A BAN TỔNG GIÁM Đ C	21
ĐÁNH GIÁ K T QU HO T Đ NG KINH DOANH NĂM 2013	21
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	23
K HO CH KINH DOANH NĂM 2014	24
GIỚI TRÌNH C A BTGD Đ I V I Ý K N K M TOÁN	26

BÁO CÁO C A H I Đ NG QU N TR	27
ĐÁNH GIÁ C A HĐQT V HO T Đ NG C A BTGD NĂM 2013	27
HO T Đ NG C A HĐQT TRONG NĂM 2013	27
HO T Đ NG C A CÁC TI U BAN HĐQT TRONG NĂM 2013	29
K HO CH HO T Đ NG NĂM 2014	30
V C TH C HI N CÁC QUY ĐNH V QU N TR CÔNG TY	30
BÁO CÁO C A BAN KIỂM SOÁT	31
HO T Đ NG C A BKS NĂM 2013	31
ĐÁNH GIÁ C A BKS	32
BÁO CÁO GIAO DỊCH, THÙ LAO, L I ÍCH	33
L NG, TH NG, THÙ LAO VÀ CÁC KHO N L I ÍCH	33
GIAO DỊCH C PH U C A C ĐÔNG N I B , NG I CÓ LIÊN QUAN	33
H P Đ NG, GIAO DỊCH V I C ĐÔNG N I B , NG I CÓ LIÊN QUAN	33
BÁO CÁO QU N TR R I RO	34
DANH M C R I RO	34
TÌNH HÌNH QU N TR R I RO T I SHS NĂM 2013	36
K HO CH TRONG NĂM 2014	37
BÁO CÁO PHÁT TRI N B N V NG	38
CAM K T TRÁCH NHI M C A SHS	38
CÁC HO T Đ NG NĂM 2013	39
K HO CH HO T Đ NG NĂM 2014	39
BÁO CÁO TÀI CHÍNH Đ C KIỂM TOÁN	40



THÔNG ĐIỆP CỦA A CHIEU TÍCH HỢP

Môi trường hoạt động của các công ty chứng khoán nói chung và **SHS** nói riêng trong năm 2013 tiếp tục diễn ra trong bối cảnh có nhiều khó khăn và thách thức của nền kinh tế do hậu quả của các năm trước còn đọng lại. Song song với đó là rất nhiều cơ hội để phát triển và tiến bộ vững chắc, tăng trưởng từ các chuyển biến tích cực của nền kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước.

Nền kinh tế bước vào giai đoạn đầu của quá trình tái cấu trúc. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát, lãi suất hạ, xuất khẩu tăng, cán cân thương mại thặng dư, tỷ giá ổn định và dòng ngoại hối tăng vọt. Tuy nhiên, kinh tế tăng trưởng vẫn còn nhiều thách thức, nhu cầu tiêu dùng suy giảm, thâm hụt ngân sách gia tăng, hệ thống ngân hàng căng thẳng với bài toán xử lý nợ xấu, tín dụng tăng trưởng chậm, niềm tin của doanh nghiệp giảm và sự lụi bại của doanh nghiệp phá sản, ngành hoạt động tiếp tục tăng.

Thị trường chứng khoán cũng trải qua một năm biến động khốc liệt với nhiều thách thức và cơ hội. Chỉ số VN-Index là một trong 10 chỉ số có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất thế giới. Hàng loạt các quy định mới giúp tăng thanh khoản thị trường. Quá trình thanh lý các công ty kinh doanh chứng khoán ngày càng khốc liệt. Các chủ tài khoản bị phạt trong lĩnh vực chứng khoán ngày càng thất bại.

Trong bối cảnh đó, HĐQT và BĐH đều nhận thấy cơ hội của Công ty là vươn lên trong số ít các doanh nghiệp hoạt động tốt, bền vững và chuyên nghiệp, nhiều công ty đang đón thông qua những thay đổi từ chính sách vĩ mô và những chuyển biến tích cực của nền kinh tế. Những tài sản giá trị mà **SHS** đã để lại cho nền kinh tế, gia tăng, củng cố, đó là: doanh nghiệp có thể có lợi về vốn, tài sản và đội ngũ nhân viên, có uy tín và thế mạnh trên thị trường chứng khoán, chính sách khác biệt ngày càng thu hút nhiều nhà đầu tư và nhân tài, công ty **SHS** có tính thanh khoản cao được nhà đầu tư quan tâm và giá trị ngày càng xuyên phá ảnh hưởng thị trường...

HĐQT đã giám sát, chỉ đạo sát sao từng bước hoạt động kinh doanh của SHS, xây dựng chiến lược phù hợp trong từng giai đoạn, luôn luôn tạo ra sự khác biệt làm nền tảng cho SHS phát triển bền vững và bền vững, triết độ tận dụng lợi thế tiềm năng tài chính dồi dào từ các công đồng chiến lược là các tập đoàn lớn, bộ máy quản trị rõ ràng và quản lý chi phí hiệu quả, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, đặc biệt là niềm tin của Công đồng, Khách hàng và Nhà đầu tư.

Đồng thời, HĐQT và BĐH cũng thường xuyên nhìn nhận, đánh giá những hạn chế và tồn tại của SHS, tính toán đến những khó khăn và thách thức vô cùng lớn do tác động không tránh khỏi từ nền kinh tế, thấy rõ các vấn đề còn tồn tại phải xử lý như nợ xấu dù đã được trích lập đủ phòng và tích cực thu hồi những vốn còn lại mức cao, hoạt động kinh doanh phải thu về nhiều vào vốn vay phần lớn có kỳ hạn ngắn, đội ngũ nhân sự đã được bổn định những công việc cấp tiến nâng cao hơn nữa về chất lượng để đáp ứng với tình hình thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.

HĐQT hiểu rằng trong bất kỳ giai đoạn nào cũng ưu tiên tìm kiếm giải pháp, nguồn lực hỗ trợ và triển khai một cách quy tắc, linh hoạt đồng thời ghi nhận những nỗ lực, ý chí quyết tâm và tinh thần đoàn kết, sáng tạo, hăng hái của BĐH, đội ngũ CBNV toàn thể thường để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tái cấu trúc mạnh mẽ, đang dần ổn định và có dấu hiệu khởi sắc trong năm 2013.

HĐQT ngoài việc thông qua giám sát trực tiếp, nhận báo cáo và hỗ trợ trực tiếp với BKS, BĐH còn tăng cường quản trị theo từng mảng hoạt động: Chính sách phát triển, Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ, Tài chính và Kiểm soát nội bộ, Nhân sự và Logistics.

Trong quá trình xây dựng, công đồng nguồn lực nội tại, vì lợi ích của Công đồng, Nhà Đầu tư, Khách hàng và CBNV SHS, Công ty cũng không quên ý thức trách nhiệm và thể hiện sự quan tâm thiết thực tới lợi ích của công đồng, môi trường, xã hội, tài trợ cho các hoạt động từ thiện, thiện nguyện và công ích

cộng đồng, tuân thủ nghiêm túc việc nộp thuế vào NSNN, tuân thủ pháp luật và minh bạch quản trị, tài chính và thông tin công bố.

Với việc đảm bảo tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2014 còn nhiều thách thức và khó khăn, Công ty mới mới tiếp tục chú trọng đến định tài chính, an toàn tài sản và nguồn vốn, tận dụng được các công cụ để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn kết hợp với việc xây dựng danh mục đầu tư có mức sinh lợi kỳ vọng tốt, bền vững, quản trị rủi ro, công đồng và chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân sự bên cạnh việc tìm kiếm các nhân tài; một khác cũng đã chú trọng nguồn lực, sẵn sàng đối mặt với các thách thức, nắm bắt, khai thác và hiện thực hóa các công cụ để có kết quả kinh doanh khả quan.

Công ty đạt mức tiêu năm 2014 sẽ trở thành một trong những Nhà môi giới hàng đầu Việt Nam, lọt vào top 5 công ty chứng khoán có thể phần môi giới lớn nhất Việt Nam, công đồng mối quan hệ chặt chẽ với các tập đoàn lớn để cùng tham gia vào quá trình tái cấu trúc, cải tiến hóa doanh nghiệp, trở thành một trong những Nhà tài trợ uy tín hàng đầu Việt Nam.

HĐQT cam kết sẽ tiếp tục tăng cường kiểm soát, đánh giá, tài trợ và chỉ đạo, định hướng cũng như hỗ trợ BĐH triển khai các hoạt động kinh doanh để được đúng các mức tiêu đã đề ra, đáp ứng sự tin tưởng, kỳ vọng của các Công đồng, Khách hàng và Nhà đầu tư.

Thay mặt HĐQT, BKS, BĐH, tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các công quan Nhà nước, Quý vị Công đồng, Khách hàng, Đối tác và Nhà đầu tư đã luôn ủng hộ, sát cánh cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý vị trong thời gian tới. Chúc các Quý vị sức khỏe, hạnh phúc, thành công.

CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG HIỂN

THÔNG TIN SHS

“6 năm – Một chặng đường phát triển”

THÔNG TIN SHS

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007.
- Vốn điều lệ: 1.000 tỷ đồng
- Vốn đủ trả cổ phiếu: 1.000 tỷ đồng
- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1, Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại: 84-4-38181 888
- Số fax: 84-4-38181 688
- Website: <http://www.shs.com.vn>
- Mã cổ phiếu: **SHS**



TÌM NHÌN – SẴN MẪN NH – GIÁ TRỊ CỘNG TỎI

TÌM NHÌN

- Trỏ thành công ty chỏng khoán hoỏt đỏng đỏnỏng theo mỏ hình ngỏn hỏng đỏu tỏ hỏng đỏu Viỏt Nam.
- Là thỏng hiỏu công ty chỏng khoán cỏ uy tỏn trờn thỏ trỏng chỏng khoán Chỏu ỏ.

SẴN MẪN NH

- Tỏo ra lỏi nhuỏn tỏi đỏ cho cỏc cỏ đỏng.
- Đỏng gỏp, xỏy đỏng phỏt triỏn thỏ trỏng chỏng khoán Viỏt Nam an toỏn, hiỏu quỏ.
- Tỏo mỏi trỏng làm viỏc tỏt, thu nhỏp cao vỏ cỏ hỏi thỏng tỏn cho cỏn bỏ nhỏn viỏn.
- Cung cỏp nhỏng đỏch vỏ tỏi chỏnh, chỏng khoán đỏ đỏng, chỏt lỏng cho khỏch hỏng vỏ đỏi tỏc.

GIỏ TRỏ CỘNG TỎI

- Chỏnh trỏc.
- Sỏng tỏo.
- Chuyỏn nghiỏp.
- Sỏ hỏi lỏng cỏ khỏch hỏng.

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Nỏm 2007

15/11	Thành lỏp theo Giỏy phỏp thành lỏp vỏ hoỏt đỏng sỏ 66/UBCK-GP cỏ ỏ y ban Chỏng khoán Nhà nỏ cỏ, vỏ i sỏ vỏn đỏu lỏ ban đỏu là 350.000.000.000 VNĐ.
29/11	Trỏ thành thỏnh viỏn Trung tỏm Lỏu ký chỏng khoán Viỏt Nam (VSD) theo Quyỏt đỏnh sỏ 71/GCNTVLK cỏ ỏ Trung tỏm Lỏu ký chỏng khoán Viỏt Nam.

Nỏm 2008

15/02	Trỏ thành thỏnh viỏn chỏnh thỏ cỏ ỏ Sỏ Giao đỏch Chỏng khoán Tp. Hỏ Chỏ Minh (HSX) vỏ Trung tỏm Giao đỏch Chỏng khoán Hà Nỏ i nay là Sỏ Giao đỏch Chỏng khoán Hà Nỏ i (HNX).
05/05	Thành lỏp Chi nhỏnh tỏi Tp. Hỏ Chỏ Minh theo Quyỏt đỏnh sỏ 320/QĐ-UBCK cỏ ỏ Uỏ ban Chỏng khoán Nhà nỏ cỏ.

Nỏm 2009

16/02	Khai trỏng Trỏ sỏ mỏ i tỏi Tỏng 1&5, Toỏ nhỏ Đỏo Duy Anh, sỏ 9 Đỏo Duy Anh, Đỏng Đỏ, Hà Nỏ i.
06/05	Tỏng vỏn đỏu lỏ tỏ 350.000.000.000 VNĐ lỏn 410.629.960.000 VNĐ thỏng qua hỏnh thỏ cỏ phỏt hỏnh cỏ phiỏu thỏng tỏ nguỏn thỏng đỏ vỏn cho cỏ đỏng hiỏn hỏu vỏ i tỏ lỏ chia thỏng 1.000:174.
17/06	Cỏ phiỏu SHS chỏnh thỏ cỏ đỏ cỏ chỏp thuỏn niỏm yỏt tỏi Trung tỏm Giao đỏch Chỏng khoán Hà Nỏ i nay là Sỏ Giao đỏch Chỏng khoán Hà Nỏ i (HNX) theo Quyỏt đỏnh sỏ 245/QĐ-TTGDHN vỏ i mỏ chỏng khoán SHS .
25/06	Ngỏy giao đỏch đỏu tiỏn cỏ ỏ cỏ phiỏu SHS tỏi Trung tỏm Giao đỏch Chỏng khoán Hà Nỏ i nay là Sỏ Giao đỏch Chỏng khoán Hà Nỏ i (HNX).
21/09	Thành lỏp Chi nhỏnh tỏi Tp. Đỏ Nỏng theo Quyỏt đỏnh sỏ 611/QĐ-UBCK cỏ ỏ Uỏ ban Chỏng khoán Nhà nỏ cỏ.

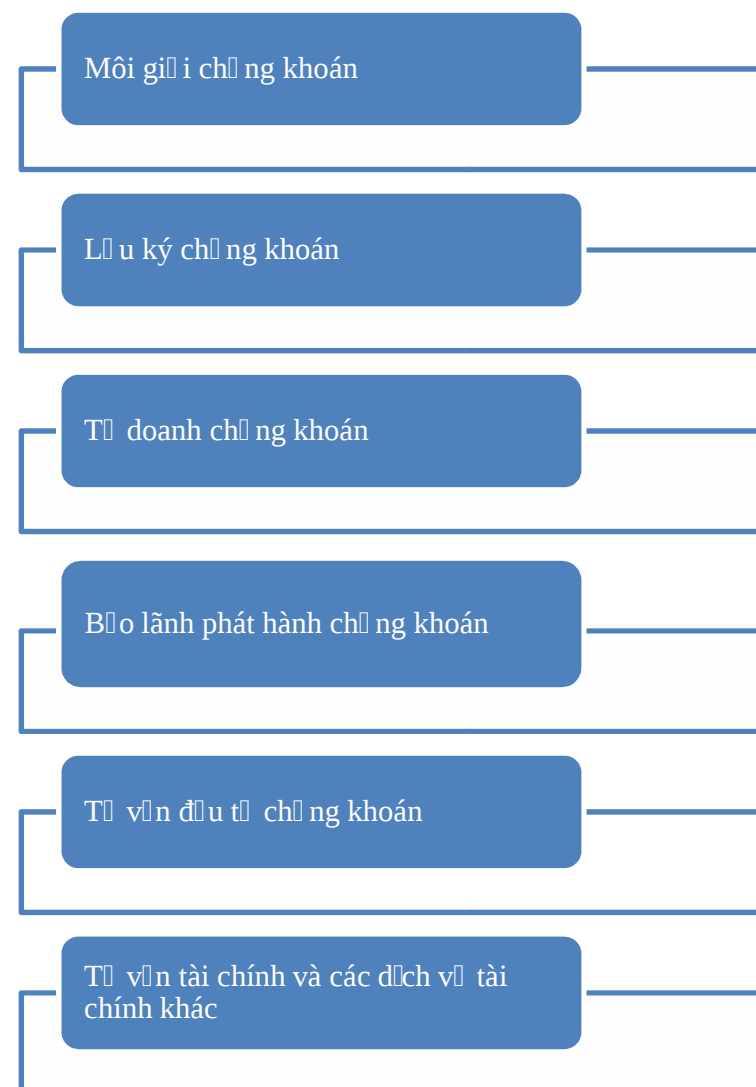
Năm 2010	
18/05	Tăng vốn điều lệ từ 410.629.960.000 VNĐ lên 1.000.000.000.000 VNĐ thông qua hình thức phát hành thêm cổ phiếu.
24/08	Thành lập Chi nhánh tại Nghệ An theo Quyết định số 681/QĐ-UBCKNN ngày 24/8/2010 của Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước.
27/09	SHS chính thức triển khai áp dụng hệ thống phần mềm lõi chung khoán của nhà cung cấp phần mềm chung khoán hàng đầu của Hàn Quốc là TongYang. Phần mềm này được sử dụng trong 60% giao dịch chung khoán trên toàn thị trường nhằm tối ưu hóa sức mạnh xử lý và truy vấn lệnh đặt của khách hàng, tăng cường công tác bảo mật, tính an toàn và khả năng khai thác các tiềm năng khác.
30/09	Số Giao dịch Quản lý vốn Nhà nước chính thức công nhận SHS là thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ chuyên biệt.
Năm 2011	
07/01	Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh chuyển đến địa điểm mới tại 141-143 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 20/QĐ-UBCK của Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước.
19/07	Đóng cửa chi nhánh Nghệ An theo Quyết định số 535/QĐ-UBCKNN của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước.
30/09	Phát hành thành công 350 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ với kỳ hạn 12 tháng.
23/11	Khai trương Trại số mới theo Quyết định số 62/GPĐC-UBCK của Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn Việt Nam, số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Năm 2012	
30/09	Gia hạn thành công 150 tỷ đồng trái phiếu phát hành riêng lẻ của thanh toán mà SHS phát hành năm 2011 với thời hạn 12 tháng.
Th.12	SHS đã ghi nhận được kết quả của việc quy đổi lại tài sản có đang khi thông báo có lỗi từ sau khi công bố mức lãi 381 tỷ

	đồng năm 2011.
Năm 2013	
04/04	Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh chuyển đến địa điểm mới tại tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM theo Quyết định số 189/QĐ-UBCKNN ngày 04/04/2013 của Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước.
01/05	SHS ra nháp “tr” HNX 30 kỳ từ ngày 01/05.
31/05	SHS thay đổi địa điểm Trại số chính là tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2013 của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước.
25/07	SHS lọt vào top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013.
25/09	Chính thức đổi tên Phòng Môi giới chung khoán Hội số thành Trung tâm Môi giới chung khoán nhằm tăng cường hơn nữa hoạt động môi giới chung khoán trong những năm tiếp theo.
30/09	SHS hoàn thành việc tái toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu gia hạn năm 2012 cho trái chủ.
28/10	Chính thức thành lập Bộ phận Quản trị rủi ro trực thuộc Phòng PC&QTRR nhằm đáp ứng các quy định của UBCKNN và tăng cường công tác nhận diện, đo lường và xử lý rủi ro.
16/12	Hoàn thành việc đăng ký Nội quy lao động với Sở LĐTBXH Hà Nội nhằm đảm bảo tốt nhất lợi ích của người lao động.
Th.12	Hoàn thành việc tách biệt tài khoản của nhà đầu tư theo quy định của UBCKNN.
Th.12	SHS lọt top 10 công ty quản lý vốn có thể phần môi giới chung khoán niêm yết trên sàn chứng khoán HNX và top 10 công ty quản lý vốn có thể phần môi giới trái phiếu trên sàn chứng khoán HSX.

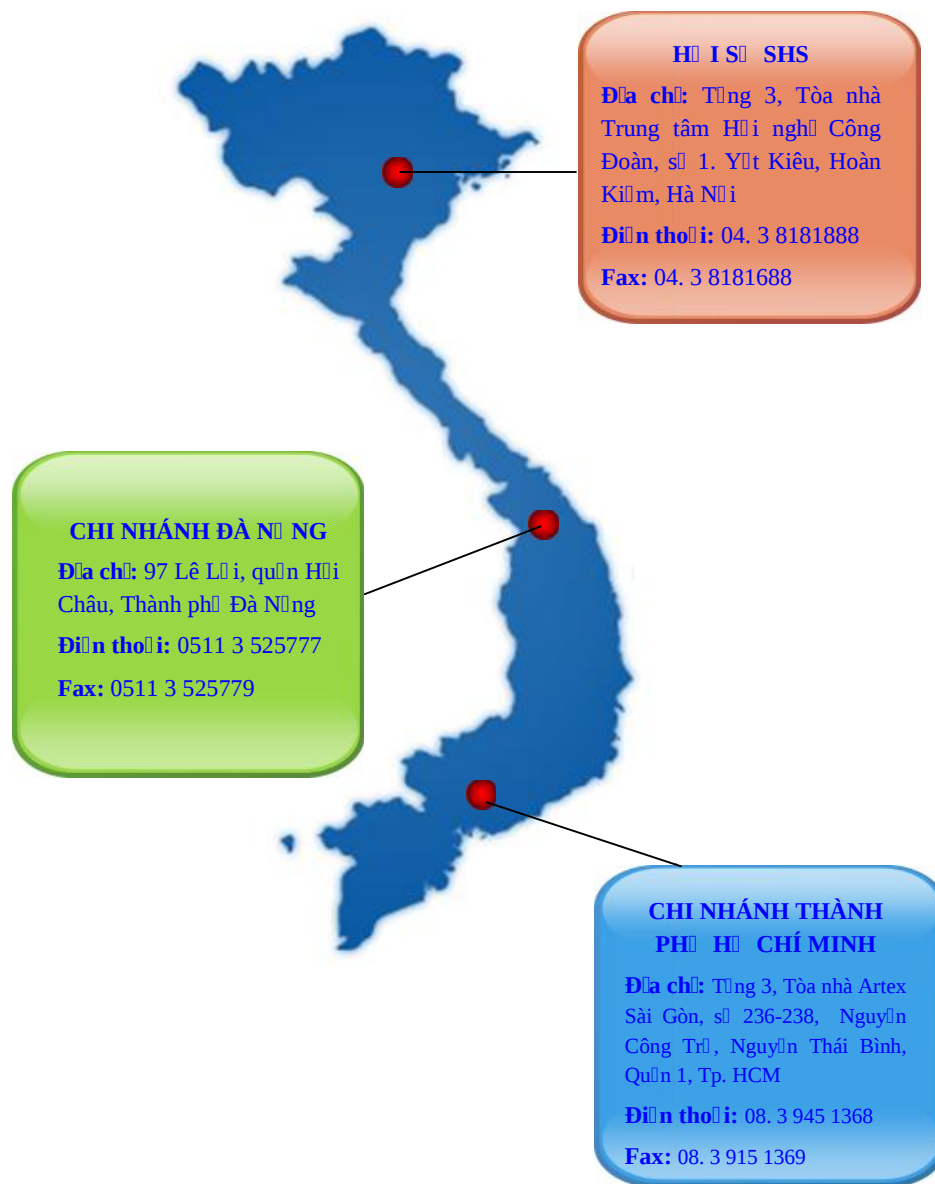
CÁC GIẢI THƯỞNG ĐÓNG TÀI CHÍNH

Năm	Giải thưởng	Đơn vị trao
2009	Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu.	Hội đồng các Doanh nghiệp và nhà Thành phố Hà Nội.
2009	Thương hiệu chủ ngân sách uy tín 2009 và Danh hiệu top 50 doanh nghiệp niêm yết hàng đầu Việt Nam dành cho các Doanh nghiệp tiêu biểu trên TTCKVN.	Vietnam Leading Stock Brand.
2009	Top 20 doanh nghiệp xuất sắc nhất. Giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển” lần III - Năm 2009.	Hội đồng giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển”.
2009	Giải Nhì công ty tài chính môi giới OTC tốt nhất.	Công ty Cổ phần OTC Việt Nam.
2010	Hội nhập Kinh tế Quốc tế lần thứ II năm 2010.	Ủy ban Quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế.
2010	Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Hà Nội Vàng 2010.	Hội đồng các Doanh nghiệp và nhà Thành phố Hà Nội.
2010	“Thương hiệu chủ ngân sách uy tín” năm 2010 dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên TTCKVN.	Vietnam Leading Stock Brand.
2013	Top 50 Báo cáo thương niên tốt nhất.	Sở GD&ĐT TP.HCM phối hợp Báo Đầu tư tài chính.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



MẠNG LƯỚI IHO TĐNG



ĐINH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông;

Đóng góp, xây dựng, phát triển thị trường ngân hàng Việt Nam an toàn, hiệu quả;

Tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ nhân viên;

Cung cấp những dịch vụ tài chính, ngân hàng đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác của SHS.

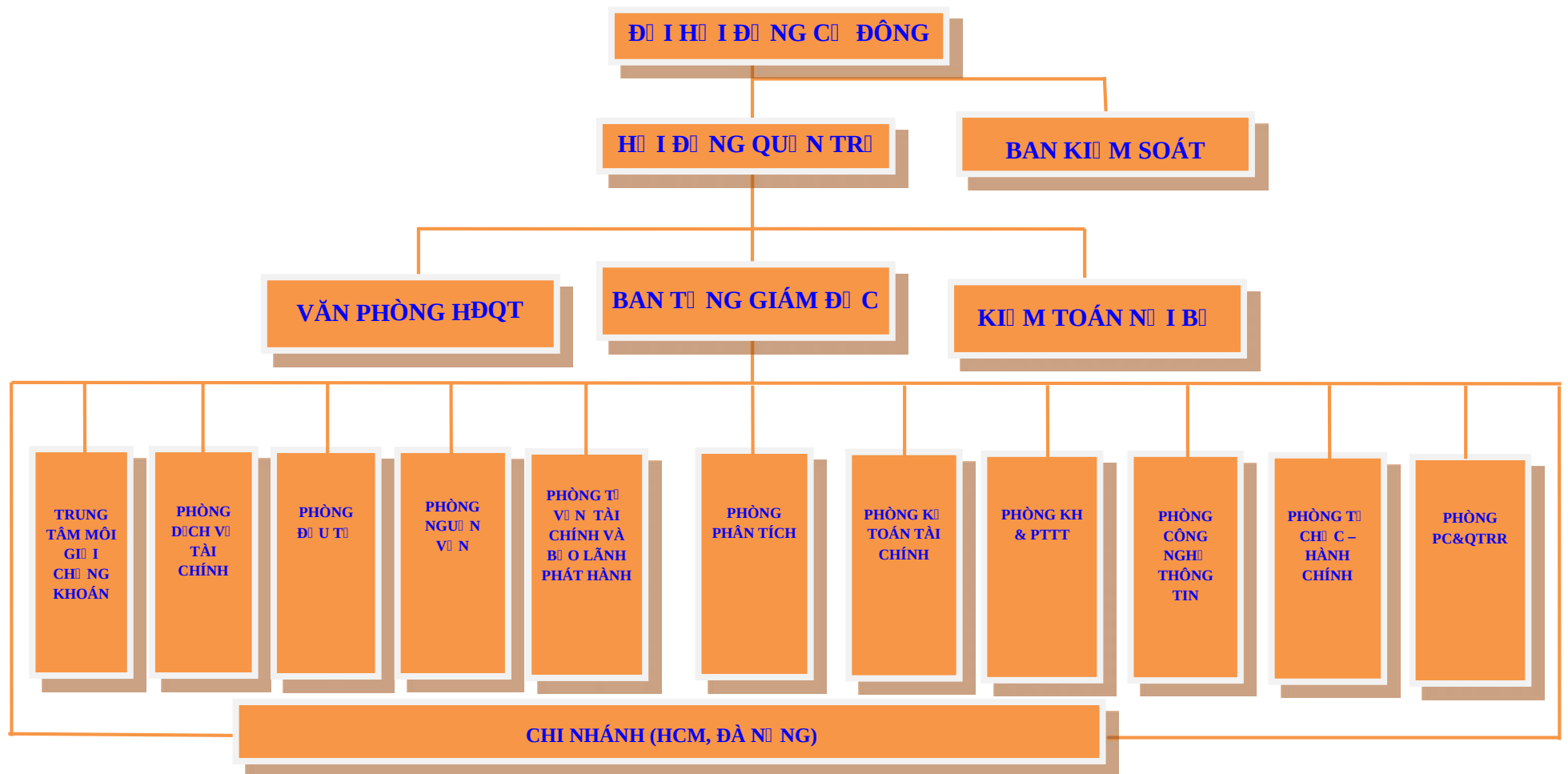
Chiến lược phát triển trung và dài hạn

SHS phân đầu tư thành mắt trong các công ty ngân hàng đầu của Việt Nam, hoạt động theo mô hình ngân hàng đầu tư, tăng cường huy động ra thị trường tài chính quốc tế. Với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, SHS mong muốn cung cấp cho các khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan và có những đóng góp tích cực cho cộng đồng.

Các mục tiêu với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Góp phần bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
- Chung tay vì cộng đồng phát triển bền vững.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU BÀN MÁY QUẢN LÝ

SHS được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành liên quan khác.

Đội ngũ

Cố vấn

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua hình thức ủy ý kiến bằng văn bản với các vấn đề được quy định trong Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có thẩm quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Đội ngũ

quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trả nợ nợ và thu về thẩm quyền của ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của Công ty. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Quy định nội bộ và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT. Giúp việc cho HĐQT là Văn phòng HĐQT.

BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mặt cách thức lập, khách quan và trung thực mặt

Ban Kiểm soát

mặt hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. BKS bao gồm Trưởng BKS và các thành viên BKS.

Ban Tổng

Giám đốc

BTGD là cơ quan điều hành của Công ty. Đối diện BTGD là TGD. TGD là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho TGD là các Phó TGD, Kế toán trưởng, các phòng ban nghiệp vụ và các chi nhánh.

Các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty gồm:

- TTTMGCK được nâng cấp từ Phòng Môi giới chứng khoán trong năm 2013 bao gồm các phòng chức năng cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư, đầu tư giá, đầu tư lý đầu tư giá, đầu tư ký chứng khoán và quản lý sổ cổ đông.
- Phòng DVTC có chức năng cung cấp các dịch vụ tài chính như giao dịch ký quỹ, hỗ trợ tài trợ bên thứ ba cho khách hàng vay tiền và ngân hàng.
- Phòng ĐT có chức năng thực hiện các hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết cho Công ty.
- Phòng TVTC&BLPH có chức năng cung cấp các dịch

Các phòng

ban nghiệp vụ

tư

hành sự

về tài chính (như về niềm y, về phát hành, về tái cấu trúc...) và dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

- Phòng NV có chức năng huy động nguồn vốn cho Công ty, thực hiện các nguồn vốn (đầu tư trái phiếu...) và cân đối nguồn vốn hàng ngày cho Công ty.
- Phòng CNTT có chức năng mua sắm, quản lý, khai thác, sử dụng, vận hành các thiết bị công nghệ thông tin của Công ty, đảm bảo cho các hoạt động giao dịch hàng ngày của Công ty.
- Phòng TC - HC có chức năng lập kế hoạch, văn bản, mua sắm, xây dựng, phân phát, quản lý, theo dõi tài sản, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ của Công ty. Ngoài ra, Phòng thực hiện các nhiệm vụ tuyển dụng, quản lý nhân sự, tính toán lương và các khoản trích theo lương, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
- Phòng KH&PTTT có chức năng xây dựng và theo dõi kế hoạch kinh doanh của Công ty, lập các báo cáo quản trị, xây dựng và quản lý các mối quan hệ truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả Công ty, quản lý và phòng ngừa khủng hoảng truyền thông, thực hiện các hoạt động thúc đẩy bán hàng và xây dựng thương hiệu, đầu tư thực hiện các kiến thức của Công ty và xây dựng quan hệ nội bộ.

- Phòng PT có chức năng thực hiện phân tích vĩ mô, phân tích ngành, phân tích doanh nghiệp, phân tích đối thủ cạnh tranh... phục vụ cho khách hàng và hoạt động của doanh nghiệp Công ty.
- Phòng KTTC có chức năng tham mưu cho HĐQT trong lĩnh vực kế toán tài chính (bao gồm kế toán giao dịch và kế toán nội bộ).
Ban chấp hành của Phòng KTTC có chức năng tham mưu cho HĐQT trong công tác chấp hành
- Phòng PC&QTRR có các chức năng về pháp lý; kiểm soát nội bộ; quản trị rủi ro, từng bước báo cáo và công bố thông tin.

Tại **SHS** trong năm 2013 duy trì 2 chi nhánh Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Tại chi nhánh Đà Nẵng có các Phòng GDCK; KTTC và Văn phòng Chi nhánh. Tại chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có các phòng Giao dịch chứng khoán; Tài chính & Bảo lãnh phát hành; Kế toán – Tài chính và Văn phòng Chi nhánh.

Các chi nhánh

CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến thời điểm 31/12/2013, **SHS** chưa thực hiện liên kết hoặc thành lập công ty con.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013

Tình hình thực hiện so với năm trước

Năm 2013, hoạt động của các công ty chức năng nói chung và **SHS** nói riêng tiếp tục diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế không thuận lợi. Rõ rệt nhất công ty chức năng thua lỗ, rút bớt nghiệp vụ hoặc giảm thiểu. Tuy nhiên, **SHS** vẫn tiếp tục có lãi dù kết quả chưa cao. Cụ thể:

(Đơn vị: Nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	2013/2012
Tổng doanh thu	365.883,97	134.985,67	36,89%
Tổng chi phí	335.092,61	123.364,29	36,81%
Lợi nhuận trước thuế	30.791,36	11.621,38	37,74%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

Tổng doanh thu năm 2013 là 134,9 nghìn đồng, tổng chi phí là 123,3 nghìn đồng và lợi nhuận trước thuế là 11,6 nghìn đồng, đều thấp hơn khoảng 36-37% so với năm trước. Nguyên nhân là do thị trường chức năng đã trải qua một năm 2013 vô cùng khó khăn, thách thức đối với tất cả các công ty chức năng Việt Nam. Tuy nhiên, năm 2013 đã ghi nhận sự thay đổi mạnh mẽ trong chiến lược của hoạt động của **SHS** theo đó tập trung phát triển mạnh hoạt động môi giới và tài chính. Đối với hoạt động môi giới: mặc dù năm 2013 chưa đạt được kết quả như mong muốn nhưng **SHS** đã tích cực đổi mới chiến lược phục vụ khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng và hiệu quả, tích cực phát triển đội ngũ môi giới giỏi, có chất lượng và đội ngũ chuyên gia, chia sẻ phí để mở rộng mạng lưới kinh doanh trên thị trường. Đối với hoạt động tài chính: đã phát triển mạnh mẽ mạng lưới khách hàng, dần triển khai các hoạt động tài chính có chất lượng cao như M&A. Mặc dù kết quả các hoạt

đồng này trong năm 2013 chưa đạt được như mong muốn nên số là tiền đồng SHS bắt phá mạnh mẽ trong năm tới.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

(Đơn vị: Nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% so với kế hoạch
Tổng doanh thu	234.235,42	134.985,67	57,63%
Tổng chi phí	180.002,44	123.364,29	67,25%
Lợi nhuận trước thuế	54.232,98	11.621,38	21,40%

Tổng doanh thu của toàn Công ty là 134,9 tỷ đồng, tương đương 57,63% kế hoạch. Nhìn chung, doanh thu các hoạt động chính của Công ty không hoàn thành kế hoạch đặt ra đầu năm. Phí môi giới thu được là 25 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2012 trong đó giá trị giao dịch toàn thị trường chỉ tăng 5,2%, tuy nhiên so với kế hoạch thì chỉ tương đương 63,1%. Doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn trong bối cảnh giao dịch thấp và lãi suất giảm cũng chỉ đạt 63,6% kế hoạch, tương đương 43,2 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư thực hiện được 43,9% kế hoạch với doanh thu 50,8 tỷ đồng do hạch toán mất số khoản lỗ từ việc tái cấu trúc danh mục đầu tư. Tuy nhiên, hoạt động tài sản và bảo lãnh phát hành hoàn thành vượt 65,6% kế hoạch với trên 13 tỷ đồng.

Tổng chi phí của Công ty trong năm 2013 là 123,3 tỷ đồng, giảm 63% so với năm 2012 và tương đương 68% kế hoạch cả năm. Trong năm, Công ty đã trích lập 8,87 tỷ đồng dự phòng phải thu khó đòi và được hoàn nhập dự phòng chi ngân khoản năm 36,4 tỷ đồng (đạt 105,9% kế hoạch), các chi phí quản lý tiếp tục được tiết giảm 26% so với năm 2012.

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 của Công ty là 11,6 tỷ đồng, tương đương 21,4% kế hoạch đặt ra đầu năm. Nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh của Công ty không hoàn thành kế hoạch đặt ra, từ trung niên và các khoản đầu tư hiệu quả thấp từ năm trước đó lợi nhuận còn khiêm tốn, đội ngũ nhân sự chưa đồng đều, chưa ổn định và cần tiếp tục nâng cao hơn nữa với chất lượng để đáp ứng với tình hình thị trường khó khăn và cạnh tranh ngày càng gay gắt.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thành viên HĐQT từ 31/12/2013



Ông Đỗ Quang Hiến
Chủ tịch HĐQT

- Chủ tịch HĐQT SHS từ 3/12/2007.
- Sở hữu 25.000 cổ phần SHS (0,025%).
- Thành viên không điều hành, không đắc cử.
- Ông thôi là Chủ tịch HĐQT-TGĐ Công ty CP Tập đoàn T&T, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ Sài Gòn-Hà Nội, Chủ tịch HĐQT TCT CP Bảo hiểm SHB-Vinacomin, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy sản Bình An.



Ông Phạm Hồng Thái
Phó Chủ tịch HĐQT

- Phó Chủ tịch HĐQT SHS từ 03/12/2007.
- Sở hữu 2.348 cổ phần SHS (0,002%).
- Thành viên không điều hành, không đắc cử.
- Ông thôi là Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội, Trưởng ban Tài chính Tập đoàn Than-Khoáng sản VN.



Bà Lê Thị Thanh Thủy
Thành viên HĐQT

- Thành viên HĐQT SHS từ 17/06/2013.
- Sở hữu 0 cổ phần SHS.
- Thành viên không điều hành, không đắc cử.
- Ông thôi là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T.



Ông Trần Thọ Hi
Thành viên HĐQT

- Thành viên HĐQT SHS từ 3/12/2007.
- Sở hữu 25.000 cổ phần SHS tương đương 0,025%.
- Là thành viên không điều hành, đắc cử.
- Ông thôi là Thành viên HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.



Ông Lê Đăng Khoa
Thành viên HĐQT

- Thành viên HĐQT SHS từ 22/03/2013.
- Sở hữu 0 cổ phần SHS.
- Là thành viên không điều hành, không đắc cử.
- Ông thôi là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

Thay đổi thành viên HĐQT trong năm 2013

Ngày	Tên thành viên bổ nhiệm	Chức vụ
Bổ nhiệm		
22/03/2013	Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT
17/06/2013	Bà Lê Thị Thanh Thủy - TV. HĐQT	Thành viên HĐQT
Bãi nhiệm		
17/06/2013	Bà Đàm Ngọc Bích	Thành viên HĐQT

Danh sách BKS tại 31/12/2013



Bà Phạm Thị Bích Hằng
Trưởng ban BKS

- Trưởng Ban Kiểm soát **SHS** từ năm 2008.
- Số hũ 21.740 cổ phần **SHS** tổng cộng 0,02%.



Ông Lê Văn Đức Chính
Thành viên BKS

- Thành viên Ban Kiểm soát **SHS** từ năm 2008.
- Số hũ 0 cổ phần **SHS**.
- Đang thôi là Phó Trưởng ban Tài chính Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam.



Ông Vũ Đức Trung
Thành viên BKS

- Thành viên Ban Kiểm soát **SHS** kể từ ngày 06/04/2013.
- Số hũ 560.000 cổ phần **SHS** tổng cộng 0,56%.
- Đang thôi là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc TCT CP Bảo hiểm SHB – Vinacomin.

Thay đổi thành viên BKS trong năm 2013

Không thay đổi.

Danh sách BTGD tại 31/12/2013



Ông Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc **SHS** từ ngày 06/05/2011.
- Số hũ 79.300 cổ phần **SHS** tổng cộng 0,079%.
- Đang thôi là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu.



Ông Vũ Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc

- Phó Tổng Giám đốc **SHS** từ 16/04/2012.
- Số hũ 79.400 cổ phần **SHS** tổng cộng 0,079%.
- Đang thôi là Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB-Vinacomin.



Ông Trần Sĩ Tiến
Kế toán trưởng

- Kế toán trưởng **SHS** từ 20/09/2011.
- Số hũ 0 cổ phần **SHS**.

Thay đổi thành viên BTGD trong năm 2013

Không thay đổi.

Chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động
Số lượng cán bộ, nhân viên

Số lượng CB, NV trung bình năm 2012 (người)	149
Số lượng CB, NV trung bình năm 2013 (người)	142
Thay đổi (người)	-7
Thay đổi (%)	-5%

Chính sách đối với người lao động

Đối với **SHS**, người lao động là tài nguyên, là động lực của quá trình hoạt động. Do đó, nhân tố con người rất được **SHS** chú trọng đầu tư. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương hợp lý, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy khả năng sáng tạo, năng động và góp phần đáng kể vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật. Về điều kiện làm việc: Trữ sở làm việc của Công ty và các Chi nhánh được thiết kế khang trang, thoáng mát; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động.

Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty được ban hành trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Chính sách lương, thưởng

Chính sách trích lập

Thu nhập của người lao động tại **SHS** là thu nhập thuần hàng tháng, theo đó Công ty tính, nộp các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN cho người lao động.

Lương tháng = Lương cơ bản + Lương kinh doanh

Lương trung bình năm 2012 (đồng)	11.811.333
Lương trung bình năm 2013 (đồng)	11.393.941
Thay đổi (đồng)	-417.392
Thay đổi (%)	-3,5%

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động tại **SHS** còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động luôn được quan tâm.

Ngoài ra, nhằm tạo ra sự gắn bó giữa người lao động với Công ty, **SHS** chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.

Với mức thu nhập hợp lý, môi trường làm việc tốt cùng với các chính sách đãi ngộ khác, **SHS** đã thu hút được nguồn nhân lực đông đảo, có trình độ cao. Các thành viên mới được đào tạo, hướng dẫn về chuyên môn và văn hóa **SHS** ngay từ ngày đầu để phù hợp với văn hóa Công ty.

Quy trình tuyển dụng và đào tạo của **SHS** được xây dựng một cách khoa học và linh hoạt. Ngoài nguồn nhân sự được thông

báo tuyên ngôn trên phương tiện thông tin đại chúng, website, **SHS** còn hợp tác chặt chẽ với các tổ chức giáo dục đào tạo trong và ngoài nước, các trường đại học có uy tín và mức độ tin cậy cao cung cấp nguồn nhân sự chuyên nghiệp. Do đó, **SHS** có nhiều công nhân viên và thu hút được nhiều người nhân viên có trình độ cao, giàu kinh nghiệm và phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.

Chính sách thu

hút và đào tạo nhân lực **SHS** đặc biệt coi trọng đến vấn đề đào tạo cho nhân viên. Ngoài việc tổ chức đi du lịch cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ, **SHS** còn chú trọng đến đào tạo kỹ năng nâng cao phẩm chất cho nhân viên hoàn thành các tiêu chí: kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phân tích và nhận định thị trường,.... Trong năm 2013, **SHS** đã tổ chức được 78 khóa đào tạo đối với nhiều hình thức khác nhau như: mời cán bộ, chuyên viên trong và ngoài nước về Công ty giảng dạy; gửi đi học; đào tạo nội bộ....

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ LỚN

Các khoản đầu tư lớn trong năm

Không có

Hoạt động và tài chính công ty con và công ty liên kết

Không có

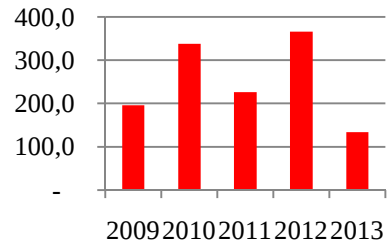
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2013

(Đơn vị: VNĐ)

KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	365.782.217.657	133.975.773.105
Lợi nhuận thuần	30.532.258.823	11.758.447.915
Lợi nhuận khác	259.101.944	-137.065.667
Lợi nhuận trước thuế	30.791.360.767	11.621.382.248
Lợi nhuận sau thuế	30.791.360.767	11.621.382.248
BÌNH CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Năm 2012	Năm 2013
Tổng tài sản	1.491.586.724.074	1.922.648.203.418
Nợ phải trả	717.504.023.705	1.136.944.120.801
Nguồn vốn chủ sở hữu	774.082.700.369	785.704.082.617
Vốn đầu tư	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Số ngày công phải trả đang lưu hành	99.845.000	99.845.000
CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	Năm 2012	Năm 2013
Coefficient tài sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	96%	97%
Coefficient nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng tài sản	48%	59%
Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	93%	145%
Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nhanh	199%	164%
Khả năng thanh toán hiện hành	199%	164%
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HD	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	25%	7%
Khả năng sinh lời		
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2%	1%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4%	1%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư	3%	1%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10%	5%
Lãi cố định trên mức phí	308	116

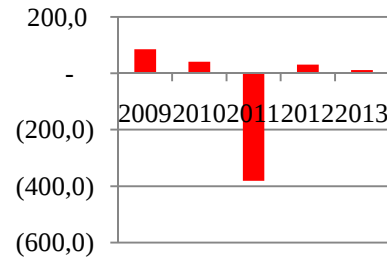
Doanh thu thu

T



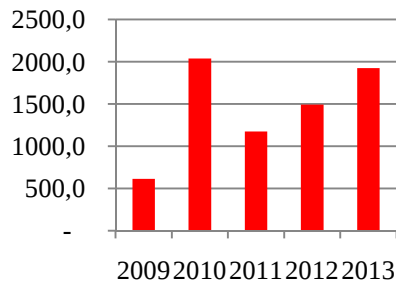
L

T



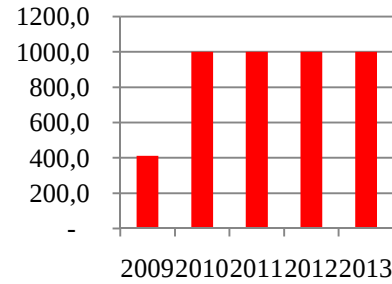
T

T



V

T



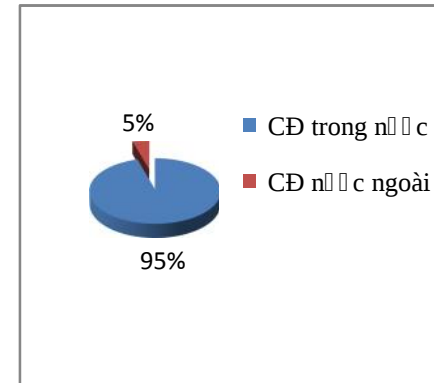
C

T

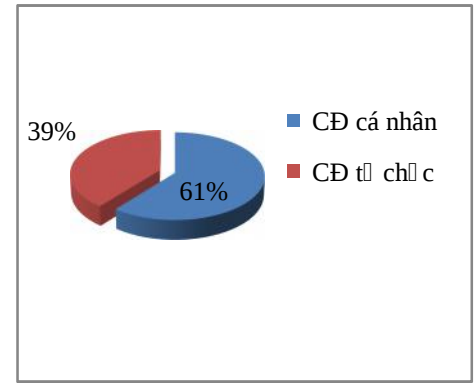
C

(T

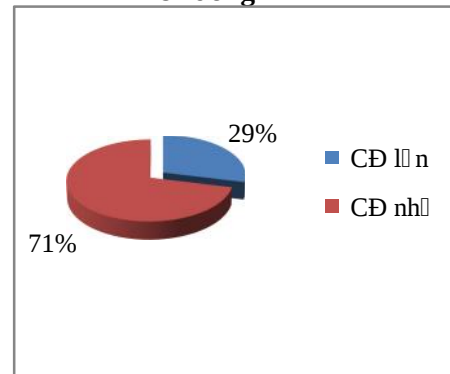
Phân lo



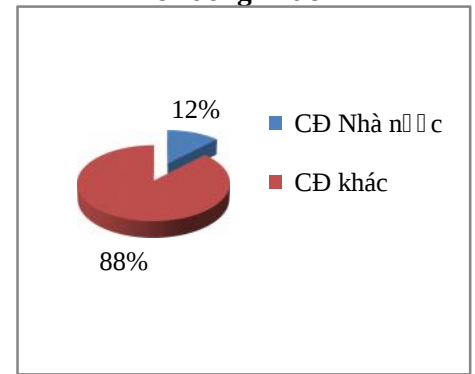
Phân lo



Phân lo



Phân lo



Thay đổi vốn chủ sở hữu và phát hành chứng khoán

- Trong năm 2013, Công ty ghi nguyên vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng.
- Phát hành chứng khoán khác trong năm: Không
- Hoàn trả chứng khoán đã phát hành:
 - + Mã trái phiếu phát hành: SHS_BOND.350.2011
 - + Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
 - + Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ
 - + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu.
 - + Giá trị trái phiếu được gia hạn: 150.000.000.000 đồng
 - + Thời hạn gia hạn: 12 tháng (từ 01/10/2012-30/09/2013)
 - + Giá trị trái phiếu đã hoàn trả: 150.000.000.000 đồng
 - + Thời gian hoàn trả: 01/10/2013

Cổ phiếu quỹ và giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 155.000 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không



BÁO CÁO CỦA BAN TÀI NGUYÊN GIÁM ĐỐC

“Ban Tài Nguyên Giám đốc là bộ máy quản lý Công ty nhằm định hướng và lãnh đạo của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao”.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013

Mặc dù không đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2013 như đã nói trên do yếu tố thị trường không thuận lợi nhưng Công ty đã rút ra những bài học hoàn thiện, cải thiện và một số câu trả lời về chính sách và quản lý. Kết quả của những bài học hoàn thiện, cải thiện đó như sau:

- Về môi giới chi nhánh: Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động thu hút khách hàng qua đó thu phục vụ môi giới tăng vọt và lọt vào Top 10 công ty chi nhánh có thu phục vụ môi giới lớn nhất tại sân HNX. Ngoài ra, Công ty tiếp tục cải thiện các chi nhánh chi nhánh để tăng cường khuyến khích số phần đầu trong tập thể CBNV, đồng viên tập thể tại Ngân hàng lao động có đóng góp tích cực, tăng khả năng thu hút nhân sự giỏi và làm việc tại SHS. Để đáp ứng nhu cầu của nhóm khách hàng trẻ, năng động, ưa thích công nghệ, Công ty đã triển khai ứng dụng giao dịch trực tuyến trên điện thoại thông minh và máy tính bảng (SHMobile). Để chăm sóc và phục vụ khách hàng tốt hơn, Công ty đã xây dựng và phát triển hoạt động từ việc đầu tư theo mô hình FTG.SHS và đã được khách hàng đánh giá cao; triển khai mô hình Điểm tiếp khách hàng thông qua số hotline của một số Chi nhánh của Ngân hàng SHB; cải thiện và phát triển một số sản phẩm, dịch vụ môi giới phục vụ nhà đầu tư.
- Về dịch vụ tài chính: Đã triển khai một số sản phẩm dịch vụ tài chính mới phục vụ nhà đầu tư liên quan đến giao dịch ký quỹ, hợp tác với bên thứ ba hỗ trợ khách hàng đầu tư chi nhánh niên yết. Duy trì và tăng cường tính ổn định của sản phẩm; không ngừng gia tăng khả năng cạnh tranh về giá cũng như quy mô của sản phẩm trong khả năng tài chính cho phép; cải thiện lại một số quy trình và nâng cao, ... tăng khả năng chi trả quản lý

rõ ràng không làm phát sinh thêm nợ xấu, đưa vào áp dụng thu nợ từng, phát vay theo mã, nhận tin SMS...

- Về đầu tư: Bám sát định biên thâm thu, minh bạch tài chính đầu tư danh mục đầu tư niềm yên và áp dụng hình thức đầu tư mới qua đó mang lại kết quả khả quan. Đối với các doanh nghiệp mà SHS nắm giữ giá trị lớn, chủ nhà thoái vốn do không có thanh khoản, SHS đã tham gia xuyên suốt đầu tư cấp nhất, nắm bắt các thông tin, cố gắng tham gia sâu hơn vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Về hoạt động tài chính và báo lãnh phát hành: Năm 2013, nhìn nhận đúng tình hình và nỗ lực trong công tác tìm kiếm khách hàng, hoạt động này của toàn Công ty đã vượt 65,6% so với kế hoạch. Danh mục khách hàng thâm nhập xuyên và tiềm năng không ngừng mở rộng.
- Về hoạt động quản trị rủi ro: Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn qua đó đảm bảo an toàn về thanh khoản; đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động của Công ty. Công ty luôn đảm bảo các yêu cầu về tài chính trên 180% theo quy định của UBCK.
- Về hoạt động phân tích: Năm 2013, ngoài việc duy trì các báo tin định kỳ hàng ngày, hàng tuần gửi tới khách hàng, nhận định thị trường ngày/tháng đăng trên các phương tiện truyền thông, Công ty đã phát hành báo cáo nội bộ đầu tư sáng qua đó cập nhật các thông tin hàng ngày về vĩ mô, doanh nghiệp cũng như các quan điểm nhận định về thị trường của các tổ chức. Ngoài ra, hoạt động phân tích cũng được triển khai hàng đầu tư việc hỗ trợ cho hoạt động môi giới được biết xoay quanh phương pháp đầu tư mới FTG.SHS, lập kế hoạch phiêu theo phương pháp Canslim, cập nhật liên tục hàng ngày kết quả kinh doanh và các chỉ số của bên khi đến mùa báo cáo tài

chính, tập trung trong phiên vĩ mô, doanh nghiệp, ETF thông qua room Skype...

- Về hoạt động Kế hoạch và phát triển thị trường: Trong năm 2013, công tác truyền thông được thực hiện theo mục tiêu xuyên suốt là xây dựng thương hiệu SHS là một trong những công ty chứng khoán uy tín và có tính an toàn, tin cậy cao, xây dựng uy tín thương hiệu thông qua chất lượng và sự đa dạng của các dịch vụ do SHS cung cấp. Về công tác Marketing, Công ty đã triển khai nhiều chương trình giới thiệu sản phẩm dịch vụ, thu hút khách hàng, xây dựng các chương trình khuyến mãi, kích thích mở tài khoản và giao dịch, ưu đãi lãi vay phí giao dịch và lãi vay, đồng bộ hóa nhận diện các Điểm hỗ trợ khách hàng. Ngoài ra, các tài liệu công cụ marketing nội dung sale kit, bộ hồ sơ mở tài khoản được rà soát và chuẩn hóa, hoàn thiện video hướng dẫn Nhà đầu tư sử dụng dịch vụ của SHS. Thực hiện giao tiếp với khách hàng qua các kênh trực tiếp như hội thảo, Nhận định thị trường, chăm sóc khách hàng nhận các dịp đặc biệt và các kênh gián tiếp như: SMS, email marketing, website... Đồng thời, định kỳ tổ chức các chương trình khảo sát ý kiến khách hàng về các sản phẩm, dịch vụ. Ngoài ra, Công ty đã từng bước xây dựng và phát triển các chương trình, phong trào nội bộ nhằm tăng cường sự giao lưu giữa các phòng ban, chi nhánh qua đó nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các CBNV và tích cực truyền thông kịp thời các thông điệp, định hướng của HĐQT và BTGD. Công tác lập và theo dõi kế hoạch, lập các báo cáo quản trị phục vụ cho công tác nội bộ đã ngày càng được chuẩn hóa.
- Về hoạt động pháp chế, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, báo cáo và công bố thông tin: Tiếp tục kiện toàn các quy trình, quy chế nội bộ, tăng cường

kiểm tra, kiểm soát, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo quy định của UBCKNN, thực hiện báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

- **Vị hoạt động hành chính và nhân sự:** Công ty đã chủ động triển khai, thực hiện nhiều biện pháp để quản lý và tận dụng tối đa cơ sở vật chất kết thu được hiện có phục vụ hoạt động kinh doanh. Cùng với đó để tiết giảm chi phí hành chính, Công ty cũng liên tục rà soát, cải tiến, cập nhật, chuẩn hóa các quy trình, quy định nhằm nâng cao tinh thần tiết kiệm đối với toàn thể CBNV. Ngoài việc tuyển dụng để thay thế một số CBNV nghỉ việc, Công ty cũng thực hiện tuyển mới để phục vụ nhu cầu của hoạt động kinh doanh, chủ yếu tại Trung tâm Môi giới chứng khoán. Đáng chú ý thực hiện rà soát giảm, điều chuyển nhân sự theo định hướng tăng nhân sự bộ phận kinh doanh trực tiếp và giảm nhân sự gián tiếp. Xây dựng và thực hiện quy chế thi đua khen thưởng hàng quý để động viên tinh thần CBNV. Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự hiện tại, Công ty đã đẩy mạnh công tác đào tạo, đặc biệt là công tác đào tạo nội bộ.
- **Hoạt động công nghệ thông tin:** Công ty tập trung vào thực hiện các dự án công nghệ thông tin có hiệu quả trong đó tập trung priorit hóa và đẩy nhanh tiến độ nâng cấp, phát triển nhiều tính năng mới đáp ứng các yêu cầu về giao dịch và khai thác các lợi thế của phần mềm phục vụ công tác kinh doanh và quản trị. Đáng chú ý với việc nâng cao năng lực xử lý, tính ổn định, bảo mật của hệ thống, Công ty cũng tiến hành rà soát tiết giảm chi phí để tăng cường và tìm kiếm các dự án đầu tư chủ yếu cấp thiết.
- **Hoạt động kế toán tài chính:** Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước và công tác kế toán, thống kê. Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh

khoản tiền, đảm bảo các quy định về tài khoản an toàn tài chính theo quy định của UBCKNN. Ngoài ra, Công ty cũng đã chú trọng đến công tác kế toán quản trị, thực hiện phân bổ thu nhập, chi phí đến từng phòng ban, chi nhánh để phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý.

- **Hoạt động xử lý nợ:** Công ty tiếp tục tích cực thu hồi nợ. Bên cạnh đó, thực hiện quản lý, theo dõi một cách có hệ thống, khoa học các khoản nợ cũng như định chế các pháp lý theo điều kiện thuận lợi cho công tác xử lý nợ. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại là dù đã được trích lập dự phòng và tích cực thu hồi nợ nhưng nợ xấu của Công ty vẫn còn ở mức cao.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm là 1.923 tỷ đồng, tăng 431 tỷ đồng tương ứng tăng 29% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu do:

Tiền và các khoản tiền đang tiến (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư và giao dịch chứng khoán, các khoản tiền đang tiến) tăng thêm 153 tỷ đồng tương ứng tăng 21%.

Các khoản đầu tư ngắn hạn tăng 34 tỷ đồng tương ứng tăng 16% chủ yếu do Công ty hoàn nhập dự phòng 36 tỷ đồng.

Phí thu khách hàng và hoạt động giao dịch chứng khoán tăng 248 tỷ đồng, tương ứng tăng 54% do Công ty đẩy mạnh các hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và hợp tác với bên thứ ba hỗ trợ khách hàng đầu tư chứng khoán niêm yết.

Trong năm 2013, Công ty không phát sinh thêm khoản nợ xấu nào. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải trích đủ phòng phải thu khó đòi thêm gần 9 tỷ đồng từ các khoản nợ xấu còn tồn đọng của các năm trước. Các khoản nợ xấu này nhìn chung không ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty do làm giảm số vòng quay của vốn.

Tình hình nợ phải trả

Tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm cuối năm là 1.923 tỷ đồng, tăng 431 tỷ đồng tăng 29% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu do:

Vay và nợ ngắn hạn ngân hàng tăng 18 tỷ đồng. Thu và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 1 tỷ đồng. Phải trả người lao động tăng 1,7 tỷ đồng. Chi phí phải trả giảm 0,7 tỷ đồng. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tăng 395,6 tỷ đồng. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán tăng 4,6 tỷ đồng.

Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 11,6 tỷ đồng do Công ty có lãi trong hoạt động kinh doanh năm 2013.

Trong năm 2013, Công ty không có khoản vay nợ phải trả nào quá hạn thanh toán. Mặc dù, mặt số hoạt động cho vay của Công ty được tài trợ bằng nguồn vốn đi vay nhưng do lãi suất đi vay giảm mạnh trong năm 2013 nên cũng đã tạo điều kiện thu nhập lớn hơn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014

Bước sang năm 2014, thách thức kế hoạch doanh thu đoán sẽ có nhiều bất ổn từ chính sách vĩ mô của Nhà nước và nền kinh tế Việt Nam đang diễn biến phức tạp. Quá trình tái cấu trúc nói chung đang đem lại những phần tích cực. Thách thức kế hoạch doanh thu Việt Nam đã và đang tái cấu trúc đúng hướng. Những giải pháp hỗ trợ thách thức kế hoạch doanh thu của Chính phủ đang tạo ra những bất ổn lớn cho các công ty kế hoạch doanh thu có tiềm lực tài chính, có cơ chế quản trị đúng đắn...Trước vấn đề đó, SHS đặt quyết tâm tiếp tục chú trọng ổn định tình hình tài chính, củng cố vị thế chủ đạo, nhân sự, nắm bắt tất cả các bất ổn kinh doanh, tiếp tục giải quyết dứt điểm tình trạng lúng túng, xử lý tốt vấn đề nợ xấu và danh mục đầu tư tồn đọng.

Nhiệm vụ và mục tiêu trọng tâm năm 2014

TT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ	Mục tiêu
1	Môi giới	Nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng khai thác và chăm sóc các nhóm khách hàng VIP và KH tiềm năng; Nâng cao số lượng, chất lượng của đội ngũ; Nâng cao hiệu suất lao động thông qua cải thiện khâu kế hoạch kinh doanh; Tăng cường ứng dụng công nghệ; Nâng cao năng lực đội ngũ đầu tư.	Phát triển SHS trở thành một trong những công ty môi giới hàng đầu Việt Nam. Đạt mục tiêu lọt vào top 5 công ty kế hoạch doanh thu có thể phân môi giới lớn nhất Việt Nam.

TT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ	Mức tiêu
2	Dịch vụ tài chính	▪ Đa dạng hóa các hình thức cung cấp dịch vụ; Cải tiến các sản phẩm hiện tại theo hướng linh hoạt, thuận tiện với khách hàng nhằm vận động bảo an toàn cho Công ty; Phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, sản phẩm kết hợp với các bên thứ ba không chỉ liên quan trực tiếp đến công nợ (như bảo hiểm, tín dụng...); ▪ Kiểm soát chặt chẽ rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.	▪ Phát triển các sản phẩm tài chính linh hoạt, thuận tiện và chuyển sang chủ quản lý tài động hoàn toàn tích hợp với phần mềm giao dịch. Đưa sản phẩm dịch vụ tài chính của SHS trở thành điểm nhấn trên thị trường bởi tính cạnh tranh, ổn định, linh hoạt.
3	Đầu tư	▪ Dành nguồn vốn hợp lý để đầu tư các công nghệ có tiềm năng đầu tư công nghệ tiềm năng; Tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư; Tìm kiếm và thực hiện hoạt động M&A khi có công nghệ tiềm năng và phù hợp với khả năng	▪ Tiếp tục đầu tư các công nghệ để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn kết hợp với việc xây dựng danh mục đầu tư có mức sinh lời kỳ vọng

TT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ	Mức tiêu
		của SHS; thực hiện các kênh đầu tư khác mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép.	thực, bền vững.
4	Tổ chức	▪ Tập trung, mở rộng nguồn lực nhân lực cho hoạt động tài chính trong năm 2014 và 2015, năm bắt đầu hội nhập theo chủ trương của Chính phủ. Triển khai các dịch vụ tài chính chuyên sâu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tích lũy kinh nghiệm. Đưa SHS trở thành nhà tài trợ hàng đầu trên thị trường công nghệ.	▪ Kết hợp với các nghiệp vụ tài chính khác để thực hiện thành công một số hợp đồng tài chính chuyên sâu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tích lũy kinh nghiệm. Đưa SHS trở thành nhà tài trợ hàng đầu trên thị trường công nghệ.
5	Tổ chức	▪ Triển khai hệ thống quản trị rủi ro theo quy định mới; Đào tạo, sàng lọc, tuyển chọn nhân lực bổ sung và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự; Rà	▪ Mô hình tài chính năng động, chuyên nghiệp, kết hợp, phát huy đội ngũ trí tuệ của CBNV, đạt

TT	Lĩnh vực	Nhiệm vụ	Mức tiêu
		soát và kiểm soát chi phí. Xây dựng chính sách quản trị, công cụ khoán, khuyến khích CBNV phát huy tài đa khả năng.	hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.

Kế hoạch kinh doanh năm 2014

Dựa trên các dự báo kinh tế vĩ mô và tình hình công nghệ kế toán năm 2014, SHS đề ra kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2014 như sau:

(Đơn vị: Nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	2014/2013
Tổng doanh thu	134.985,31	647.979,57	480,04%
Tổng chi phí	123.363,93	337.934,21	273,93%
Lợi nhuận trước thuế	11.621,38	310.045,36	2.667,89%



GIỚI THIỆU CÔNG TY TNHH HĂNG KẾ TOÁN AASC

Năm 2013, Công ty TNHH Hăng Kế toán AASC đã thực hiện kiểm toán Công ty Cổ phần Công nghệ kế toán Sài Gòn – Hà Nội và đưa ý kiến chấp nhận toàn bộ.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng” – trích Điều lệ SHS năm 2013.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BTGD NĂM 2013

Năm 2013, nhân sự BTGD tỉnh gồm 01 Tổng Giám đốc điều hành và 1 Phó Tổng Giám đốc thường trực. Giúp việc cho BTGD bên cạnh các phòng ban nghiệp vụ có 1 Kế toán trưởng, 1 Phó Giám đốc chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và 1 Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng. Vì vậy, HĐQT ghi nhận những nỗ lực của BTGD trong việc đảm bảo cho các hoạt động của Công ty vận hành hiệu quả và tăng trưởng trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô và thị trường chung khó khăn năm 2013 có rất nhiều biến động, nơi mà SHS đang trong giai đoạn tái cấu trúc mạnh mẽ. BTGD thường xuyên họp bàn, phân công giao việc, kiểm tra chéo, hỗ trợ lẫn nhau; thường xuyên xuyên báo cáo trực tiếp với HĐQT để có những chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời, từ chối các cuộc họp giao ban hàng tháng với các Trưởng phòng phó phòng và Giám đốc các Chi nhánh để theo dõi sát sao hoạt động của từng phòng ban, từng mảng công việc.

BTGD đã mạnh dạn đưa xuất và quyết liệt xử lý các khoản nợ xấu, danh mục đầu tư tồn đọng, tái cấu trúc bộ máy nhân sự và cắt giảm chi phí hợp lý để tăng tích cực tìm nguồn huy động vốn cho hoạt động kinh doanh, phát triển sản phẩm dịch vụ mới và khai thác nguồn lực từ Nhà đầu tư và cộng đồng.

Hội đồng nhân sự trong Công ty đã được BTGD sàng lọc và cấu trúc, tuyển dụng và bổ nhiệm những người trẻ có năng lực, có chất lượng chuyên môn cao, năng động và sáng tạo, phân công công việc và giám sát thực hiện chặt chẽ.

BTGD đặc biệt chú trọng việc xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, rà soát hệ thống văn bản, quy trình, quy chế nội bộ để sẵn sàng đối phó với những thách thức hoạt động cũng như quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2013

Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp trực tiếp nhằm cập nhật tình hình hoạt động Công ty và định hướng hoạt động phù hợp với những diễn

biên của họ trong. Trong các cuộc họp này, vai trò của thành viên HĐQT được lặp, không điều hành được quan tâm, chú trọng nhiều hơn. Thành viên HĐQT được lặp, không điều hành tham gia được họp, đóng góp ý kiến và biên quy định các văn bản được thêm quy định của HĐQT thông qua từ những các thành viên HĐQT khác. Cụ thể:

- Ngày 22/3/2013: HĐQT họp thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 và kế hoạch kinh doanh năm 2013, chuẩn bị tài chính ĐHCĐ thường niên 2013.
- Ngày 17/6/2013: HĐQT họp xin ý kiến bằng văn bản về việc chấp thuận Đơn xin từ nhiệm Thành viên HĐQT của Bà Đàm Ngọc Bích và bầu Bà Lê Thị Thanh Thủy giữ chức vụ Thành viên HĐQT thay thế.
- Ngày 10/8/2013: HĐQT tổ chức cuộc họp sơ kết đánh giá kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 và triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm, đi sâu vào phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch hoạt động và tiến độ triển khai, khó khăn, thuận lợi của các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trong toàn Công ty. Căn cứ vào Báo cáo của BKS, BTGD và kết quả giám sát của HĐQT để có nhận định, định hướng phù hợp với thực tiễn; được biết chú trọng đến giải pháp mang tính thực tiễn, hiệu quả.
- Ngày 27/12/2013, HĐQT họp và tiếp tục trao đổi, liên lạc qua thư điện tử để xem xét toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh của SHS trong năm 2013, xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2014, tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2013 và phân công công việc trong năm 2014 cho các Thành viên HĐQT. Trong cuộc họp này, hoạt động Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ được biết được quan tâm và đưa ra trao đổi, quyết định triển khai từ năm 2014 do tính cấp thiết đối với hoạt động của Công ty và

tuân thủ các quy định của UBCKNN.

Trong năm 2013, HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định sau:

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1.	01-2013/QĐ-HĐQT 10-2013/QĐ-HĐQT	07/01/2013 05/4/2013	Thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính SHS
2.	02-2013/QĐ-HĐQT	30/01/2013	Thay đổi địa điểm đặt chi nhánh Công ty tại TP.HCM
3.	07/2013/QĐ-HĐQT 09/2013/QĐ-HĐQT	18/3/2013 03/4/2013	Thành lập các Ban tài chính ĐHCĐ thường niên 2013
4.	08-2013/QĐ-HĐQT 19-2013/QĐ-HĐQT	22/03/2013 17/06/2013	Bổ nhiệm, thay thế Thành viên HĐQT
5.	13-2013/QĐ-HĐQT 14-2013/QĐ-HĐQT	24/05/2013 24/05/2013	Vay vốn ngắn hạn tại SHB và EIB
6.	18-2013/QĐ-HĐQT	05/6/2013	Sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi
7.	22-2013/QĐ-HĐQT 23-2013/QĐ-HĐQT	25/9/2013 31/9/2013	Đổi tên P.MG thành Hội sở chính thành TT.MGCK và thay đổi chức danh GD.MGCK thành Giám đốc TT.MGCK
8.	24-2013/QĐ-HĐQT	28/10/2013	Thành lập Bộ phận Quản trị rủi ro và đổi tên Phòng Pháp chế và KSNB thành

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
			Phòng Pháp chế và QTRR
9.	28-2013/QĐ-HĐQT	16/12/2013	Ban hành Nội quy lao động theo hướng dẫn của Sở LĐTBXH Hà Nội

- 10 Các QĐ khác về tuyển dụng, bổ nhiệm, xếp lương, chấm dứt HĐLĐ đối với cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HĐQT TRONG NĂM 2013

Các tiểu ban thuộc HĐQT

TT	Tiểu ban	Thành viên HĐQT phụ trách
1.	Phụ trách chung	Ông ĐĐ Quang Hải - Chủ tịch HĐQT
2.	Chính sách phát triển	Ông ĐĐ Quang Hải - Chủ tịch HĐQT Ông Lê Đăng Khoa - Thành viên HĐQT
3.	Nhân sự và lương thưởng	Ông Phạm Hồng Thái – Phó Chủ tịch HĐQT
4.	Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ	Ông Trần Thọai - Thành viên HĐQT
5.	Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ	Bà Lê Thị Thanh Thủy - Thành viên HĐQT

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT trong năm 2013

Tiểu ban Chính sách phát triển

- Nghiên cứu, xây dựng định hướng phát triển của Công ty, điều chỉnh phù

hợp với tình hình thực tế, trình ĐHĐCĐ thông qua và phê duyệt phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Nghiên cứu các thay đổi, điều chỉnh của chính sách kinh tế vĩ mô, vi mô, các quy định của Bộ Tài chính, UBCKNN, Sở GDCK và TTLCKGVN về công khoán, quản trị công ty, quản trị rủi ro và an toàn tài chính để kịp thời điều chỉnh các chính sách, xây dựng hệ thống quy trình quản trị, giám sát của Công ty cho phù hợp;
- Rà soát, giám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo tuân thủ chính sách chung được ĐHĐCĐ thông qua và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng

- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến công tác nhân sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bổ, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và BTGD Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Nghiên cứu tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của SHS thuộc thẩm quyền HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, tuyển dụng nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người đi làm, CBNV Công ty;
- Triển khai công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy trình, quy chế trong công tác nhân sự, trên cơ sở đó tham mưu cho HĐQT sửa đổi các quy định hiện hành và ban hành các quy định mới phù hợp với tình

hình thức và chi phí phát triển của SHS.

Tiêu ban Quản trị và Kế toán nội bộ

- Nghiên cứu, tham khảo và tham mưu cho HĐQT, BTGD trong việc xây dựng Bộ chính sách Quản trị và các quy trình quản trị và nghiệp vụ và kế toán nội bộ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Triển khai công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chính sách, quy trình quản trị và kế toán nội bộ trên cơ sở đó tham mưu cho HĐQT hình thành xây lý thích hợp cũng như sửa đổi các quy định hiện hành và ban hành các quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và chi phí phát triển của SHS;
- Trắc tiếp giám sát và quản lý các hoạt động, báo cáo của Bộ phận Kế toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Tiêu ban Kế toán Tài chính và Kế toán nội bộ

- Tham định báo cáo tài chính, hàng năm, số liệu kế toán của Công ty theo từng quý, báo cáo HĐQT và đề xuất hình thành xây lý;
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến công tác kế toán và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tham mưu cho HĐQT xây lý các vấn đề tài chính phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Nghiên cứu tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của SHS thuộc thẩm quyền HĐQT về tài chính, kế toán theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Triển khai công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy trình, quy

chế trong công tác tài chính kế toán, quản trị và, an toàn tài chính, huy động vốn và xây lý nội bộ trên cơ sở đó tham mưu cho HĐQT hình thành xây lý thích hợp cũng như sửa đổi các quy định hiện hành và ban hành các quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và chi phí phát triển của SHS.

KẾT QUẢ CHỌN TẠM NĂM 2014

Năm 2014, HĐQT tiếp tục tăng cường giám sát, hỗ trợ các hoạt động của BTGD. Mục tiêu của Công ty trong năm 2014 là phát triển bền vững, an toàn tài chính, sẵn sàng dịch vụ môi giới và tài chính đa dạng, hiệu quả, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc quản trị và song song với đó là tính linh hoạt trong điều hành hoạt động kinh doanh.

VII. CÁCH THỨC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn tuân thủ đúng, đầy đủ và kịp thời các quy định của cơ quan Nhà nước và quản trị Công ty. Các thành viên HĐQT đều là những người có kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp và đã tham gia nhiều khóa đào tạo khác nhau về quản trị Công ty trong và ngoài nước.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

“Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ được giao” – trích Điều lệ SHS năm 2013.



HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2013

Trong năm 2013, BKS đã tiến hành 4 phiên họp định kỳ để triển khai các công việc của BKS và thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho thành viên BKS dựa trên các mặt hoạt động của Công ty.

Nhiệm vụ chính của BKS được thực hiện ở các mặt hoạt động sau:

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2013, BKS đã thực hiện việc giám sát tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty để bảo vệ Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình hoạt động. BKS cũng đã giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với nghĩa vụ công ty niêm yết, công ty chứng khoán của Công ty, nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, cổ đông nắm giữ và người có liên quan. Trong năm 2013, Công ty không có vi phạm nào nghiêm trọng trong việc tuân thủ quy định của pháp luật và nghĩa vụ công bố thông tin.

BKS cũng giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết số 01-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2013 của Đại hội đồng cổ đông. Các vấn đề nêu ra trong Nghị quyết này đã được HĐQT, BTGD thực hiện đầy đủ.

Giám sát hoạt động của HĐQT, BTGD

BKS đã tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT và một số cuộc họp của BTGD, kiểm tra kết quả các đề nghị ý kiến Thành viên HĐQT và các vấn đề quan trọng của Công ty, tham gia kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 và đưa ra các ý kiến đóng góp trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Giám sát hoạt động Công ty thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện 4 đợt kiểm tra định kỳ theo quý tại Hội sở Công ty, tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, công tác tổ chức quản trị đầu tư của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh, kiểm tra tính tuân thủ các quy trình, quy chế tài hữu nội các phòng ban của Công ty. Một số phòng đã được thực hiện kiểm tra nhiều lần trong năm như Phòng Kế toán tài chính, Phòng Đầu tư, Phòng Tài vụ tài chính và Bộ phận phát hành, Phòng Giao dịch Chứng khoán, Phòng Dịch vụ tài chính.
- Sau các đợt kiểm tra, BKS đều có kết luận đánh giá khách quan thực trạng và đưa ra các tồn tại cần được khắc phục. Qua kết quả kiểm tra đã giúp các bộ phận nhận diện và soát quy trình nghiệp vụ và đưa xuất các biện pháp để khắc phục một số sai sót, hạn chế BTGD quản lý và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động.
- BKS đã thực hiện nghiêm túc việc ghi các biên bản kiểm tra và báo cáo tình kết đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty đến HĐQT.
- Các báo cáo đưa ra số liệu và ý kiến chính xác, khách quan, các kiến nghị mang tính xây dựng nhằm đem đến quy trình mới cho các Công đồng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, khuyến khích các phòng ban cung cấp số liệu chính xác, minh bạch và đem đến tính tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty, hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ báo cáo vận hành tốt, phát hiện kịp thời các rủi ro để có giải pháp phù hợp.

Đưa xuất HĐQT và việc lập các báo cáo tài chính đến các kiểm toán

- Hàng năm, BKS đều thực hiện việc đưa xuất với HĐQT các báo cáo kiểm toán để lập cho Công ty trên cơ sở xem xét nghiêm túc, đúng quy trình các công ty kiểm toán để kiểm toán các doanh nghiệp để chúng, doanh nghiệp niêm yết theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo đánh giá của BKS, AASC là một trong các công ty kiểm toán

đầu tiên của Việt Nam, có đội ngũ nhân sự tốt, có kinh nghiệm kiểm toán các công ty chứng khoán và được biết là đội tác nghiệp ngày mới thành lập của SHS nên có hiểu biết sâu sắc về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty do đó có thể cung cấp các báo cáo kiểm toán có chất lượng.

- BKS đã tổ chức thẩm định và xác nhận số liệu đúng số liệu của Báo cáo tài chính năm 2013 để gửi với việc xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi AASC;
- BKS thông nhận số liệu của AASC, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty thời điểm 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Báo cáo tài chính toàn tài chính thời điểm 31/12/2013 đã phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2013, BKS không nhận được bất kỳ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết từ yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc đầu tư của HĐQT và BTGD.

ĐÁNH GIÁ CỦA BKS

Trong năm 2013, HĐQT, BTGD cùng toàn thể CBNV của Công ty đã rất cố gắng vượt qua khó khăn, tìm kiếm, khai thác các cơ hội kinh doanh và đã đạt được những kết quả đáng kể về kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty đã quản trị tốt rủi ro, không phát sinh thêm nợ xấu, tuân thủ các quy định của cơ quan Nhà nước về hoạt động kinh doanh, tài chính kế toán và công bố thông tin. BKS kiến nghị Công ty tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2013 nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2014 và đạt được các mục tiêu khác mà ĐHĐCĐ và HĐQT đã đưa ra.

**BÁO CÁO GIAO DỊCH, THÙ LAO, LỢI ÍCH
CỦA HĐQT, BKS, BTGD**



LỢI ÍCH, THÙ LAO, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Năm 2013, thành viên chủ trì công của Chủ tịch HĐQT và việc chia sẻ với những khó khăn của Công ty, các thành viên HĐQT đã nhận trả góp ít nhất 10% thù lao và các chi phí thù lao xuyên khác. Do đó, lợi ích, thù lao của HĐQT và BKH SHS trong năm 2013 là 4.955.186.726 đồng (góp 21% so với mức 6.268.564.853 đồng của năm 2012). Mức chi trả như sau:

Bộ phận	Tổng số thành viên	Lợi ích, thù lao, thù lao BQ (trên đồng/tháng)
Hội đồng quản trị	6	174,0
Ban Kiểm soát	3	52,8
Ban Điều hành (TGD, PTGD, KTT, Giám đốc/Phó Giám đốc các chi nhánh)	5	227,3

GIAO DỊCH CỦA PHƯƠNG CẢM ĐỒNG NGHIỆP, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN: Không

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VÀI CẢM ĐỒNG NGHIỆP, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

	31/12/2013	01/01/2013
	VNĐ	VNĐ
Đầu tư cổ phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	205.454.957.099	203.084.957.099
TCT CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	64.800.000.000	64.800.000.000
Phối trí và hợp tác ba bên		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	75.771.429.789	66.163.914.500
Khách hàng ngân hàng		
TCT CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	50.000.000	50.000.000
Sử dụng vay và nợ ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	330.000.000.000	120.000.000.000

(*) Chủ tịch HĐQT SHS đồng thời là Chủ tịch của các tổ chức này.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

DANH MỤC RỦI RO

Các rủi ro chính được xem xét là rủi ro thị trường, rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động, rủi ro vốn thanh toán và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là các rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi, tác động tiêu cực đến thu nhập hoặc vốn của SHS do những biến động của các yếu tố trên thị trường như chính sách, giá cả hàng hóa, tình hình kinh tế, tỷ giá, lãi suất, quan hệ cung-cầu... Những sự thay đổi này, thông qua kênh thông tin chính thức hay không chính thức đều phản ánh rõ rệt vào giá cả phiêu và nằm ngoài tầm kiểm soát của các công ty chứng khoán.

Hai hoạt động của SHS chịu ảnh hưởng nhiều nhất của rủi ro thị trường bao gồm:

- **Hoạt động đầu tư cổ phiếu:** Giá cổ phiếu biến động thì trước các thông tin của thị trường. Dự đoán diễn biến kinh tế và thị trường chứng khoán còn khó khăn kéo dài, SHS duy trì quan điểm đầu tư thận trọng, phân bổ đầu tư hợp lý giữa đầu tư giá trị và đầu tư lướt sóng để giảm thiểu tác động của biến động danh mục đầu tư, thoái vốn những cổ phiếu cũ, hiệu quả đầu tư thấp.
- **Hoạt động tín dụng:** Với trạng thái tiền mặt thường xuyên thấp trong đó có trên dưới 100 tỷ đồng của nhà đầu tư, SHS phải thường xuyên quản lý dòng tiền của nhà đầu tư và của SHS. Dòng tiền ra của SHS liên tục bao gồm các hoạt động đầu tư, giao dịch ký quỹ, ứng trãi... diễn biến theo tình hình đầu tư của khách hàng. Do đó, để tối ưu hóa lợi nhuận, SHS phải cân đối hài hòa giữa đầu tư tín dụng và tín dụng, giữa các mức lãi suất và kỳ hạn khác nhau của tín dụng nhằm giảm thiểu các ảnh hưởng của bên ngoài và các tác động đến các hoạt động bên trong doanh nghiệp.

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ, tuân thủ không đầy đủ, không đúng các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công

ty và tổ chức hợp lý bộ phận để đáp ứng do bộ phận không hợp pháp, vượt quá quy định hiện, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn hoặc do các nguyên nhân khác.

SHS là một công ty chuyên khoán Việt Nam hoạt động trong môi trường kinh doanh mà hành lang pháp lý nói chung và hành lang pháp lý chuyên khoán đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Do đó, rủi ro do tranh chấp, kiện tụng...liên quan đến việc thực hiện hợp đồng là rất lớn đòi hỏi Công ty phải thận trọng xuyên có phòng ngừa án nhậm diện, đo lường và xử lý kịp thời.

Bộ phận Pháp chế với chức năng tổ chức luật cho Công ty thực hiện các công việc như cấp phát các quy định pháp quy cho HĐQT, BTGD và các phòng ban; tổ chức pháp lý cho Công ty, khách hàng, đối tác của SHS; soát xét, soạn thảo hợp đồng, cam kết, văn bản, giấy tờ...; tham gia vào việc xây dựng, soạn thảo các quy chế, quy trình, quy định nội bộ Công ty; tham gia xử lý khiếu nại, khiếu nại khiếu nại và tranh tụng tại Tòa. Bên cạnh đó, SHS cũng thường xuyên sử dụng dịch vụ tư vấn luật của các văn phòng luật sư uy tín trong công nhân viên có chuyên môn, đối chiếu và đảm bảo quy định và lợi ích hợp pháp của **SHS**.

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi do con người trong quá trình tác nghiệp hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, từ hoạt động đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động bao trùm tất cả các mặt hoạt động của Công ty. Do đó, phòng ngừa, hạn chế rủi ro hoạt động được xem là công tác quan trọng của Công ty từ ngày đầu thành lập. Các biện pháp đã được thực hiện nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro này là:

- Xây dựng hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ đầy đủ, chặt chẽ.
- Thiết lập cơ chế kiểm tra chéo, giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận, cá nhân.
- Phân bổ, đào tạo để nâng cao trình độ và ý thức tuân thủ của cán bộ, nhân viên.

- Thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
- Thiết lập kế luật nghiêm ngặt và xử lý vi phạm nghiêm trọng trong Công ty.

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là các rủi ro tiềm ẩn gây ra tác động tiêu cực đến thu nhập hoặc vốn của Công ty do bên đi vay hoặc đối tác thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng.

Các hoạt động kinh doanh của **SHS** có khả năng phát sinh rủi ro thanh toán là đầu tư tín dụng, cho vay giao dịch ký quỹ...

Hoạt động đầu tư tín dụng phát sinh khi ngân hàng không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn cho **SHS**. Mặc dù khả năng này rất ít xảy ra nhưng SHS luôn luôn phải lưu ý các tình huống xảy ra, đặc biệt trong những giai đoạn hệ thống ngân hàng bất ổn định và thanh khoản. **SHS** đã lựa chọn SHB, BIDV, EIB là các ngân hàng uy tín trên thị trường làm đối tác đầu tư tín dụng. Ngoài ra, **SHS** duy trì hạn mức tín dụng với các đối tác ngân hàng để phân tán rủi ro. Trong năm 2013, SHS không phát sinh khoản tín dụng nào bộ phận khả năng thanh toán.

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay có tài sản đảm bảo là các cổ phiếu của khách hàng theo các quy định của UBCKNN. Khi giá tài sản đảm bảo sụt giảm làm cho cho vay chậm và xuống dưới 100% duy trì, 100% gói chi phí, công ty chuyên khoán yêu cầu khách hàng nộp bổ sung tài sản đảm bảo (tín, chuyên khoán), trả bớt nợ hoặc bán bớt chuyên khoán. Hoạt động này có rủi ro khi khách hàng không nộp bổ sung tài sản đảm bảo và công ty chuyên khoán không gói chi phí kịp thời đến đến phát sinh nợ xấu. **SHS** đã thực hiện kiểm soát hợp lý và pháp luật ngăn ngừa, hạn chế rủi ro thanh toán liên quan đến dịch vụ cho vay này như thẩm định khách hàng làm căn cứ xếp loại khách hàng và cung cấp các chính sách phù hợp (v phí môi giới, lãi suất cho vay, hạn mức vay...), lựa chọn kỹ cổ phiếu vào danh mục chuyên khoán ký quỹ, thực hiện gói bổ sung tài sản đảm bảo và gói chi phí trực tiếp. Năm 2013, tài **SHS** không phát sinh thêm khoản nợ quá hạn, nợ xấu nào.

Từ năm 2012, **SHS** bắt đầu triển khai dịch vụ hợp tác với SHB hỗ trợ khách hàng đầu tư chuyên khoán niêm yết trong đó **SHS** đóng vai trò quản lý hỗ trợ SHB các

khoản cho vay. Để đảm bảo nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, **SHS** ký quĩ bằng mặt khoản tín gửi tại SHB. Trong trường hợp, Khách hàng không trả được tín vay cho SHB, SHB sẽ thu hồi khoản vay của khách hàng từ tài khoản tín gửi của SHS tại SHB. Do đó, SHS cũng sẽ phải trả lãi với rủi ro này. Tuy nhiên, do quản trị các khoản vay này giúp SHB nên trong năm 2013, **SHS** không phát sinh rủi ro thanh toán này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi kịp thời các loại tài sản thành tín mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường, phải huy động các nguồn vốn khác với chi phí cao hoặc không thể vay mượn để đáp ứng khả năng thanh toán.

Tính thanh khoản luôn phải nhìn ở trạng thái động, tức là xem xét tình quan cung - cầu thanh khoản của Công ty trong một giai đoạn nhất định.

Thông thường các công ty chng khoán borrow vào tình trạng này khi quản lý không tốt “chênh lệch” kỳ hạn giữa các khoản đầu tư tín gửi, tín vay và tín cho vay đến hạn khi mặt trong các yếu tố này biến động ngược chiều mặt nguyên nhân bất thường thì các yếu tố khác biến động theo hàng loạt. Hoặc khi công ty chng khoán không quản lý tách bạch tín gửi của nhà đầu tư đến tài khoản mặt của nhà đầu tư và khi khách hàng có nhu cầu thanh toán thì công ty chng khoán không cân đối kịp nguồn tín đáp ứng. Công ty chng khoán cũng có thể gặp rủi ro thanh khoản khi mở hình chấp nhận các tài sản kém thanh khoản làm tài sản đảm bảo cho nhng khoản cho vay mà công ty chng khoán không thể bán nhng tài sản này để thu hồi nợ khi thị trường mặt thanh khoản.

Năm 2013, thanh khoản thị trường vốn tiếp tục có nhiều biến động. Lãi suất ngân hàng liên tục giảm gây áp lực cho **SHS** trong việc phải thanh toán các khoản vay cũ nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh đồng thời phải giảm lãi suất cho vay đầu ra đối với khách hàng. Mặc dù nguồn vốn tín dụng ngân hàng dồi dào trong năm 2013 nhng việc tiếp cận các khoản vay với lãi suất thấp là việc rất khó khăn đối với các công ty chng khoán do quy định hạn chế cho vay trong lĩnh vực chng

khoán và nhng đòi hỏi về tài sản đảm bảo là các chng khoán cầm cố. Nhng họ lấy trong ví dụ quản lý thanh khoản yếu kém của các công ty chng khoán đã ngày càng rõ rệt với rất nhiều công ty chng khoán borrow vào diện kiểm soát đặc biệt do quá 50% vốn chủ sở hữu và không đáp ứng quy định về tỷ lệ an toàn tài chính. Tuy nhiên, **SHS** vốn tiếp tục giữ vững tỷ lệ an toàn tài chính ở mức 200%-210%, cao hơn so với tỷ lệ thi u quy định là 180%.

Phòng Ngu n vốn với chức năng quản lý thanh khoản cho Công ty đã phải hợp chặt chẽ với các phòng liên quan như Đầu tư, Dịch vụ tài chính, Kế toán tài chính kiểm soát mặt khoản thu, chi, các dòng tín vào, ra nhằm theo dõi cân đối tín hàng ngày và để kiểm cho các thời điểm trong tương lai. **SHS** cũng duy trì các kỳ hạn tín gửi, tín vay, tín cho vay hài hòa, hợp lý, tối ưu hóa lợi nhuận. Đồng thời **SHS** cũng xây dựng các hạn mức tín dụng từ các tổ chức tín dụng khác nhau trên thị trường bao gồm các hình thức vay tín dụng thế chấp và vay thấu chi mặt cách phù hợp. Do đó, trong năm 2013, **SHS** không bị mặt thanh khoản và luôn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thanh toán của khách hàng.

Ngoài các rủi ro này, **SHS** chú trọng đến việc quản trị các rủi ro khác như rủi ro chính trị, rủi ro danh tiếng, rủi ro thị trường hiệu, rủi ro báo mặt, rủi ro quản trị ngu n nhân lực, rủi ro tuân thủ, rủi ro tài chính...

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH SHS NĂM 2013

Năm 2013 tiếp tục là một năm đầy biến động đối với thị trường chng khoán nói chung và các công ty chng khoán nói riêng. Hàng chục công ty chng khoán borrow vào diện kiểm soát đặc biệt, hủy niêm yết, tái cấu trúc thành viên, thậm chí là đóng hoạt động. Điều đó càng cho thấy tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro trong các công ty chng khoán.

Nhìn theo chiều hướng tích cực liên quan đến đó, ngày 30/11/2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 210/2012/TT-BTC về hướng dẫn thành lập công ty chng khoán trong đó quy định rõ ràng việc các công ty chng khoán phải thành lập hệ thống quản trị rủi ro. Tiếp nối Thông tư số 210 đó, ngày 28/02/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 105/QĐ-UBCK hướng dẫn chi tiết việc thiết lập hệ thống và theo dõi quản trị rủi ro cho các công ty chng khoán.

Ngay khi nhđ ng văn bđn này đđ c ban hành, SHS đđ bđt tay ngay vào viđc thành lđp hđ thđ ng quđn trđ rđ i ro vđ i mô hình phù hđ p vđ i tình hình SHS, đđp đđ ng các quy đđnh cđ a pháp luđt.

MÔ HÌNH QUđ N TRđ Rđ I RO SHS	
Bđ máy quđ n trđ rđ i ro	Phân công công viđc
Hđ i đđ ng quđ n trđ	Xác đđnh chiđn lđđ c QTRR Phê duyđt chính sách QTRR Phê duyđt khđ u vđ, hđn mđ c rđ i ro tđ ng năm
TV. HĐQT phđ trách QTRR	Cho ý kiđn và tđ vđn cho HĐQT vđ chiđn lđđ c, chính sách, khđ u vđ, hđn mđ c rđ i ro
Ban Tđ ng Giám đđ c	Phê duyđt quy trình QTRR Chđu trách nhiđm triđn khai công tác QTRR
Bđ phđn QTRR/ Trđđ ng các phòng ban, chi nhánh	Nhđn diđn, đđ lđđ ng rđ i ro Xây đđ ng các mô hình đđ lđđ ng rđ i ro Giám sát viđc thđ c hiđn quđ n trđ rđ i ro
Các phòng ban, chi nhánh	Thđ c hiđn quđ n trđ rđ i ro Phát hiđn các rđ i ro mđ i phát sinh Đóng góp ý kiđn xây đđ ng hđ thđ ng QTRR

Viđc quđn trđ các lođi rđ i ro bđđ c đđu đđđ c phân công cđ thđ đđn các phòng ban phù hđ p vđ i chđ c năng hođt đđ ng. Cđ thđ:

TT	Lođi rđ i ro	Phòng ban chđu trách nhiđm
	QTRR nói chung	Bđ phđn QTRR thuđ c Phòng PC&QTRR
1.	Rđ i ro thđ trđ đđ ng	P.ĐT, P. NV, P.KTTC
2.	Rđ i ro pháp lý	Bđ phđn Pháp chđ thuđ c P. PC&QTRR
3.	Rđ i ro hođt đđ ng	Tđt cđ các phòng ban, chi nhánh
4.	Rđ i ro thanh toán	P. TVTC&BLPH, P. DVTC, P. KTTC
5	Rđ i ro thanh khođn	P. Nguđn vđn, P. KTTC

Trong năm 2013, SHS đđ xây đđ ng đđy đđ các chính sách, quy trình quđn trđ rđ i ro theo quy đđnh cđ a UBCKNN đđ ng thđ i xây đđ ng khđ u vđ, hđn mđ c rđ i ro cho năm 2014.

Kđ HOđ CH TRONG NĂM 2014

Thđ c hiđn các quy đđnh cđ a pháp luđt, SHS sđ chính thđ c triđn khai công tác này tđ năm 2014. Theo đđ, công tác quđn trđ rđ i ro đđđ c triđn khai bài bđn theo đđng quy đđnh cđ a pháp luđt và phù hđ p vđ i tình hình thđ c tđ tđi SHS trong đđ có viđc nhđn diđn chi tiđt các lođi rđ i ro theo tđ ng nhóm, xây đđ ng mô hình đđ lđđ ng tđ ng lođi rđ i ro, đđ lđđ ng giá trđ tđ ng lođi rđ i ro, đánh giá rđ i ro đđ hai phđđ ng diđn là khđ năng xđy ra và mđ c đđ tác đđ ng, xây đđ ng các công cđ đđ lđđ ng, cđnh báo và báo cáo rđ i ro tđ đđ ng trên hđ thđ ng phđn mđ m cđng nhđ các phđđ ng án đđ xđ lý tđ ng lođi rđ i ro. Các công viđc quđn trđ rđ i ro năm 2014 sđ là tiđn đđ quan trđ ng cho hođt đđ ng quđn trđ rđ i ro nhđ ng năm tiđp theo.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CAM KẾT TRÁCH NHIỆM CỐA SHS

Cam kết trách nhiệm với khách hàng

- Cung cấp sản phẩm, dịch vụ với chất lượng tốt nhất.
- Không ngừng đổi mới, nâng cao, hoàn thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Cam kết trách nhiệm với nhân viên

- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng, tạo cơ hội phát triển cho tất cả cán bộ nhân viên.
- Phát triển năng lực người lãnh đạo, xây dựng đội ngũ nhân sự có tính kế thừa.
- Duy trì và đảm bảo chế độ phúc lợi tốt nhất có thể cho cán bộ nhân viên và con em họ thông qua chế độ lương, thưởng, việc thu, nộp đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định, các chương trình đào tạo, chăm sóc sức khỏe, khen thưởng, thăng tiến, tham quan, dã ngoại,...

Cam kết trách nhiệm với cộng đồng

- Không ngừng hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý và hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rõ ràng.
- Minh bạch thông tin.
- Nỗ lực khắc phục lỗi lũy kế tiến tới có thể đảm bảo quy định nhân công của các cộng đồng trong thời gian sớm nhất.

Cam kết trách nhiệm với cộng đồng

- Đóng góp đầy đủ vào ngân sách Nhà nước.
- Tham gia chung tay với cộng đồng giúp đỡ những gia đình, người nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật.

CÁC HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

Các hoạt động nổi bật

Xác định nguồn lực con người là chìa khóa cho mọi mục tiêu phát triển bền vững, trong năm 2013, **SHS** đã tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết và gắn bó thông qua các chương trình mang tính gắn kết chung.

Bên cạnh những yêu cầu ngày càng cao về hiệu quả, chất lượng công việc, **SHS** đã tạo dựng môi trường làm việc cạnh tranh, năng động và nhiều cơ hội nghề nghiệp cho CBNV. Hàng quý và cuối năm, **SHS** tổ chức chương trình khen thưởng CBNV xuất sắc trên toàn hệ thống Công ty, giới thiệu môi giới tài năng cho các chuyên viên môi giới xuất sắc thông qua các chỉ tiêu về doanh số phí môi giới, số lượng tài khoản mới mở, giá trị tài sản ròng... Những công việc, nỗ lực dù là nhỏ nhất của CBNV đều được Ban Lãnh đạo của **SHS** trân trọng và ghi nhận kịp thời, từ đó tạo động lực làm việc và cống hiến tối đa cho nhân viên của **SHS**.

Vào các ngày 10, ngày kỷ niệm 8/3, 1/6, 30/4 và 1/5, 2/9, ngày thành lập Công ty 15/11, ngày Tết, ngày sinh nhật của CBNV, Ban lãnh đạo Công ty đều gửi thiệp, trao quà thăm hỏi thể hiện sự quan tâm, đồng nghiệp kịp thời tới CBNV.

Ngoài ra, **SHS** thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ thu hút đông đảo tham gia nhiệt tình của CBNV như: Câu lạc bộ Bóng đá, Câu lạc bộ YOGA, Tennis... tham dự các Giải thi đấu do các cơ quan chủ quản tổ chức từ đó tạo sự khích lệ nhân viên gắn bó lâu dài hơn với **SHS**.

Hoạt động vì cộng đồng

SHS tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng. Đồng thời, **SHS** khuyến khích mọi CBNV tham gia vào các hoạt động vì sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.

Năm 2013, với sự quan tâm của Ban Lãnh đạo Công ty, Quý Chủ phố cánh yêu thương **SHS** do Ban Chấp hành Công đoàn SHS thành lập đã hoạt động hiệu quả như: kịp thời hỗ trợ đồng nghiệp, thực phẩm từ đồng bào tỉnh Hà Tĩnh trong đợt thiên tai, lũ lụt vừa qua; tặng quà, thăm hỏi đồng nghiệp các cháu bé có hoàn cảnh đặc biệt tại Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Huyết học và Truyền máu Trung ương, Viện Bệnh Quốc Gia, quyên góp quần áo cũ cho trẻ em vùng cao...

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

Trong năm 2014, **SHS** tiếp tục thực hiện các hoạt động nổi bật và các hoạt động vì cộng đồng như nói trên, trong đó hướng tới việc tối ưu hóa tài năng trao đổi bằng cho các học sinh – sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cần giúp đỡ, có thành tích học tập tốt. Sẽ sàng tạo môi trường thực tập tốt cho các sinh viên mới ra trường và tạo các cơ hội nghề nghiệp nhằm đóng góp vào sự phát triển bền vững chung của xã hội.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)) từ ngày 25 tháng 06 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TÀI NGUYÊN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và thời ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày đăng ký bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Đỗ Quang Hải	Chủ tịch	
Ông Phạm Hùng Thái	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Thọ	Ủy viên	
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/03/2013
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/06/2013
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17/06/2013

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và thời ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày đăng ký bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Bích Hằng	Trưởng ban	
Ông Lê Văn Đức Chính	Thành viên	
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên	

Các thành viên của Ban Kiểm soát Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và thời ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày đăng ký bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Lợi	Trưởng Giám đốc	
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Trưởng Giám đốc	

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH THEO PHÁP LUẬT

Người đi điều hành theo pháp luật của Công ty trong năm và thời ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Đình Lợi - Chức danh Trưởng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Kiểm soát Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm với việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Kiểm soát Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Kiểm soát Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số liệu kế toán được lập dựa trên tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tối đa có thể để đưa ra và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chu kỳ mua, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014
TM. Ban Tổng Giám đốc
S.G.P: 66 - Tổng Giám đốc

Hoàng Đình Lợi

Số: 478/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Công đồng, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 20 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chu kỳ mua, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chu kỳ mua, chế độ kế toán Việt Nam. Các chu kỳ mua này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chu kỳ mua và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc lưu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lập ra dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của

Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thành, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày từng thủ Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội từ ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chu kỳ kiểm toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty đã đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) với tỷ lệ là 26,15% trên vốn chủ sở hữu của Công ty, vượt quá tỷ lệ quy định vốn hùn vốn đầu tư tối đa 4%, điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Tuy nhiên khoản đầu tư này vẫn được mua từ cuối năm 2010, trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 có hiệu lực. Do đó ngày 30 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội cũng đã có Công văn số 688/2013/CV-SHS gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Vụ Thanh tra) báo cáo về vấn đề này cũng như cam kết có trình thoái bộ cổ phiếu SHB để đưa tỷ lệ đầu tư vốn hùn vốn theo đúng quy định hiện hành.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Kiểm toán viên

Lê Đức Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tính ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	T/m	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGỒN NỘI		1.863.579.566.928	1.428.151.628.714
110	I. Tiền và các khoản tiền ứng trước	4	892.685.928.463	739.501.000.366
111	1. Tiền		733.485.928.463	587.501.000.366
112	2. Các khoản tiền ứng trước		159.200.000.000	152.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	252.295.926.060	218.739.523.132
121	1. Đầu tư ngắn hạn		339.569.721.182	341.824.209.736
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(87.273.795.122)	(123.084.686.604)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	704.926.435.096	456.328.543.592
131	1. Phải thu của khách hàng		4.138.930.000	428.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		85.822.697.500	85.615.695.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		16.913.616.339	19.027.182.356
138	5. Các khoản phải thu khác		808.079.196.153	552.416.005.808
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(210.028.004.896)	(201.158.339.572)
140	IV. Hàng tồn kho	7	97.314.712	108.172.449
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.573.962.597	13.474.389.175
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		788.746.072	542.405.751
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12.188.448.530	12.188.448.530
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	596.767.995	743.534.894
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		59.068.636.490	63.435.095.360
220	II. Tài sản cố định		6.120.237.518	10.826.259.715
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.701.180.204	3.246.911.842
222	- Nguyên giá		13.354.564.500	16.332.466.411
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.653.384.296)	(13.085.554.569)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	4.419.057.314	7.579.347.873
228	- Nguyên giá		18.945.828.822	19.096.841.419

229	-	Giá trị hao mòn lũy kế	(14.526.771.508)	(11.517.493.546)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	45.600.000.000	45.000.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		64.800.000.000	64.800.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.200.000.000)	(19.800.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.348.398.972	7.608.835.645
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.757.055.271	2.380.813.977
263	3. Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	14	4.073.333.102	2.764.175.530
268	4. Tài sản dài hạn khác		1.518.010.599	2.463.846.138
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.922.648.203.418	1.491.586.724.074

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	T/m	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NHẬN PHẢI TRÚ		1.136.944.120.801	717.504.023.705
310	I. Nhận vốn hùn		1.136.919.120.801	717.479.023.705
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	330.000.000.000	312.000.000.000
312	2. Phải trả ngắn hạn		84.441.120	64.893.070
313	3. Nhận mua trả tiền trước		1.062.000.000	1.299.000.000
314	4. Thu và các khoản phải nộp	16	1.669.831.402	650.040.320
315	5. Phải trả ngắn hạn lao động		1.848.044.774	149.378.026
316	6. Chi phí phải trả	17	11.522.741.814	12.244.439.776
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	785.027.508.609	389.441.675.515
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	5.087.981.600	456.804.432
321	10. Phải trả cổ tức, cổ phiếu và trái phiếu		52.456.000	519.376.000
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		368.168.366	520.368.366
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		195.947.116	133.048.200
330	II. Nợ dài hạn		25.000.000	25.000.000
333	3. Phải trả dài hạn khác		25.000.000	25.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		785.704.082.617	774.082.700.369
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	785.704.082.617	774.082.700.369
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.234.052.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	7.420.555.826
414	4. Cổ phiếu mua lại		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	7.420.555.826
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(335.821.081.035)	(347.442.463.283)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.922.648.203.418	1.491.586.724.074

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	T/m	31/12/2013	01/01/2013
002	2. Vốn thuê, chứng chỉ có giá nhàn giữ		53.365.330.000	53.365.330.000
003	3. Tài sản nhàn ký cược		16.066.660.000	16.066.660.000
006	6. Chứng khoán lưu ký		4.804.183.980.000	4.211.954.590.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		2.981.397.440.000	3.265.750.330.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		243.069.730.000	40.695.450.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		2.737.219.210.000	3.225.054.880.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.108.500.000	-
012	6.2. Chứng khoán tìm kiếm giao dịch		233.981.460.000	506.584.120.000
014	- Chứng khoán tìm kiếm giao dịch của khách hàng trong nước		233.981.460.000	506.584.120.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		1.464.105.600.000	332.117.400.000
018	- Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		58.500.000.000	274.000.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		1.405.605.600.000	58.117.400.000
027	6.5. Chứng khoán chi thanh toán		121.685.590.000	100.663.800.000
028	- Chứng khoán chi thanh toán của thành viên lưu ký		-	2.031.700.000
029	- Chứng khoán chi thanh toán của khách hàng trong nước		121.685.590.000	98.632.100.000
037	6.7. Chứng khoán chi giao dịch		3.013.890.000	6.838.940.000
039	- Chứng khoán chi giao dịch của khách hàng trong nước		3.013.890.000	6.838.940.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đổi chứng chỉ niêm yết		978.620.960.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		155.253.950.000	-
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		1.501.140.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		153.752.810.000	-
056	7.2. Chứng khoán tìm kiếm giao dịch		197.010.000	-
058	- Chứng khoán tìm kiếm giao dịch của khách hàng trong nước		197.010.000	-
061	7.3. Chứng khoán cầm cố		823.000.000.000	-
063	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		823.000.000.000	-

071	7.5.	Chíng khoán chđ thanh toán	170.000.000	-
073	-	Chíng khoán chđ thanh toán cđ a khách hàng trong nđ c	170.000.000	-
082	8.	Chíng khoán chđ a lđ u ký cđ a khách hàng	15.999.260.000	15.999.260.000
083	9.	Chíng khoán chđ a lđ u ký cđ a công ty chíng khoán	30.000.000.000	30.000.000.000

Người lập

Hoàng Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

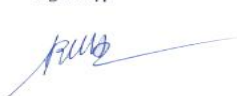
Trần Sỹ Tiến

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014
Tổng Giám đốc

Hoàng Đình Lợi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	T/m	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	20	134.985.669.030	365.883.972.595
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chíng khoán		25.016.368.852	21.221.589.791
01.2	Doanh thu hoạt động đđ u tđ chíng khoán, góp vđ n		50.836.525.994	273.263.660.814
01.3	Doanh thu bđ o lãnh phát hành chíng khoán		5.952.985.650	-
01.5	Doanh thu hoạt động tđ vđ n		7.204.294.616	2.617.376.868
01.6	Doanh thu lđ u ký chíng khoán		2.750.400.536	1.358.663.158
01.7	Doanh thu hoạt động tđ y thác đđ u giá		4.778.268	14.795.834
01.9	Doanh thu khác		43.220.315.114	67.407.886.130
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	1.009.895.925	101.754.938
10	3. Doanh thu thuần vđ hoạt động kinh doanh	20	133.975.773.105	365.782.217.657
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	87.918.579.591	206.310.591.510
20	5. Lợi nhuận gđ p cđ a hoạt động kinh doanh		46.057.193.514	159.471.626.147
25	6. Chi phí quđ n lý doanh nghiệ p	22	34.298.745.599	128.939.367.324
30	7. Lợi nhuận thuần tđ hoạt động kinh doanh		11.758.447.915	30.532.258.823
31	8. Thu nhđ p khác		64.735.498	259.111.986
32	9. Chi phí khác		201.801.165	10.042
40	10. Lợi nhuận khác		(137.065.667)	259.101.944
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trđ c thuđ		11.621.382.248	30.791.360.767
51	12. Chi phí thuđ thu nhđ p doanh nghiệ p hđ n hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuđ thu nhđ p DN		11.621.382.248	30.791.360.767
70	15. Lđi cđ bđ n trên cđ phí u	25	116	308

Người lập

Hoàng Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Sỹ Tiến

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014
Tổng Giám đốc

Hoàng Đình Lợi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	T/m	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.621.382.248	30.791.360.767
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		5.817.355.242	6.669.642.457
03	- Các khoản dự phòng		(27.541.226.158)	62.683.758.149
05	- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư		(52.180.757.637)	(38.493.921.973)
06	- Chi phí lãi vay		25.460.303.180	79.054.215.121
08	3. Lợi nhuận trước thuế hoạt động kinh doanh trừ đi các thay đổi về vốn		(36.822.943.125)	140.705.054.521
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(262.403.272.753)	(13.487.955.260)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		2.265.346.291	207.127.492.480
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		410.638.936.054	231.734.665.714
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		668.768.058	4.230.903.455
13	- Tiền lãi vay đã trả		(34.506.942.138)	(87.688.726.542)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.187.917.459	74.328.016
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(393.731.920)	(2.588.389.180)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		80.634.077.926	480.107.373.204
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.513.981.599)	(629.365.582)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		43.775.014	2.136.364
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cho thuê		56.021.056.756	44.697.599.139

và lợi nhuận được chia

30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	54.550.850.171	44.070.369.921
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	6.006.000.000.000	1.284.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(5.988.000.000.000)	(1.222.000.000.000)
36	6. Cho thuê tài sản, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(21.207.920)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	18.000.000.000	61.978.792.080
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	153.184.928.097	586.156.535.205
60	Tiền và các khoản thanh toán đầu năm	739.501.000.366	153.344.465.161
70	Tiền và các khoản thanh toán cuối năm	892.685.928.463	739.501.000.366

Người lập

Hoàng Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Sỹ Tiến

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014



Hoàng Đình Lợi

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG NG VỐN CHỐI SỔ HỮU

Năm 2013

Năm 2013	T/m	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2013
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	-	-	108.234.052.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
4. Chi phí dự trữ		(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(347.442.463.283)	11.621.382.248	-	(335.821.081.035)
CỔNG VỐN CHỐI SỔ HỮU	20	774.082.700.369	11.621.382.248	-	785.704.082.617

Năm 2012	T/m	1/1/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	12/31/2012
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	-	-	108.234.052.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
4. Chi phí dự trữ		(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(378.233.824.050)	30.791.360.767	-	(347.442.463.283)
CỔNG VỐN CHỐI SỔ HỮU	20	743.291.339.602	30.791.360.767	-	774.082.700.369

Người lập

Hoàng Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Sỹ Tiến

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Hoàng Đình Lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng; tổng số cổ phiếu là 10.000 triệu cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Địa chỉ

Công ty như sau:

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Số 97 - Lê Lợi - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tổ chức kinh doanh chứng khoán; Tổ chức đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chế độ kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chế tạo khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chế độ kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chế độ kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chế độ kế toán do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mô hình quy định của từng chế độ kế toán, thông tin hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhứt ký chung.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả ngắn hạn và phải trả khác, chi phí phải trả. Thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiến tại chỉ có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng

Tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dựa trên thông tin có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trị giá hàng hóa giá trị thu được có thể thấp hơn hoặc bằng giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thu được có thể thấp hơn hoặc bằng giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dù phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thu được có thể thấp hơn hoặc bằng.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	04	năm
- Phần mềm giao dịch, kế toán	03 - 05	năm

Tháng 06/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không mua sắm đầu tư này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

2.8. Chi phí khấu hao

Chi phí khấu hao được ghi nhận theo giá gốc. Cost và trái phiếu nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chi phí khấu hao đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kỳ trước ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn của phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, như:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tài chính ngắn hạn”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10. Dù phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dù phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thực thu hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thanh toán được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sổ Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sổ Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thanh toán được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng của niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên các sàn giao dịch được cung cấp tại thời điểm ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Các thời điểm điếm 31/12/2013, giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán: Công ty Cổ phần Chứng khoán phước Wall, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Đông; Trường hợp không thể xác định được giá trị thanh toán của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bởi giao dịch, ngày giao dịch kết thúc ngày giao dịch thứ sáu trước thì giá trị thanh toán là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tài sản kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định đưa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tài sản kinh tế.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng loại chi phí được phân bổ pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp được thông.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên các sổ đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tăng giảm với phần chênh lệch.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thông số vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lợi nhuận/hoặc nhuận giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu sau. Chi phí trực tiếp liên quan

đón việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quá định ghi giảm Tổng số vốn cổ phần.

Vốn khác của công sở hữu định ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp định các tài chính, cá nhân khác tăng, biến sau khi trừ (-) các khoản thu phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản định tăng, biến này; và khoản bổ sung tài sản quá hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ định ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chia phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội thi thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội thi sai sót trọng yếu của các năm trước c. Lợi nhuận sau thuế chia phân phối có thể định chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi định Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ định ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó định xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu định ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ định xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu định xác định tăng giảm chi phí;
- Có khả năng thu định lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định định chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành định xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu và vốn kinh doanh, tài sản và lợi nhuận định chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi định ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận định chia định ghi nhận khi Công ty định quy định nhận cổ tức hoặc định quy định nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Các khoản thu

Thu hiện hành

Tài sản thu và các khoản thu phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước định xác định bằng số tiền do kiến phải nộp cho (hoặc định thu hội thi) có quan thu, dựa trên các mức thu suất và các luật thu có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thu.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHẾNG KHOẢN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
	VND	
Công ty Chứng khoán	84.370.620	1.424.487.571.000
- Công phiếu	84.370.620	1.424.487.571.000
Công nợ i đầu tư	1.450.131.513	16.219.263.012.420
- Công phiếu	1.437.901.993	14.937.244.023.500
- Trái phiếu	12.116.660	1.280.769.205.920
- Chứng chỉ quỹ	112.860	1.249.783.000
	1.534.502.133	17.643.750.583.420

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TÀI NGUYÊN TÀI CHÍNH

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt và quỹ	68.369.534	48.854.705
Tiền gửi ngân hàng	549.793.347.315	452.609.134.830
Tiền gửi và giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	182.270.956.868	128.393.610.543
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	292.953.453	576.470.527
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	1.060.301.293	5.872.929.761
Các khoản tài nguyên tài chính (*)	159.200.000.000	152.000.000.000
	892.685.928.463	739.501.000.366

(*) Các khoản tài nguyên tài chính phản ánh tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Lãi suất tiền gửi từ 6,3%/năm - 6,8%/năm, lãi trừ sau.



5. CÁC KHOẢN NỢ ĐUỐI TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số tiền		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị thực tế		Giảm so với giá trị thực tế		Tổng giá trị theo giá trị thực tế	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán										
thông minh	-	-	339.569.721.182	341.824.209.736	164.781.840	595.388.068	(87.273.795.122)	-	252.460.707.900	219.334.911.200
Chứng khoán										
niêm yết			338.063.634.244	341.821.872.798	148.531.840	595.388.068	(87.271.711.284)	(123.082.489.966)	250.940.454.800	219.334.770.900
- ANV	-	200.000	-	2.231.342.310	-	-	-	(271.342.310)	-	1.960.000.000
- BSI	-	80.000	-	672.000.000	-	-	-	(360.000.000)	-	312.000.000
- CSM	115.000	55.000	4.077.500.000	1.192.875.211	62.500.000	83.124.789	-	-	4.140.000.000	1.276.000.000
- EFI	44	44	601.522	601.522	-	-	(311.122)	(346.322)	290.400	255.200
- HAG	6	20	126.600	547.598	-	-	(3.600)	(115.598)	123.000	432.000
- HPG	-	7	-	152.402	-	-	-	(5.402)	-	147.000
- ITA	8	33	51.279	200.955	1.521	-	-	(45.855)	52.800	155.100
- KLS	30	230	283.413	2.246.822	-	-	(16.413)	(291.822)	267.000	1.955.000
- L14	-	98.600	-	1.301.520.000	-	-	-	(788.800.000)	-	512.720.000
- LAF	9	9	146.031	146.031	-	-	(73.131)	(110.931)	72.900	35.100
- MBB	1.005.000	3.450.000	14.269.868.015	51.844.609.164	-	-	(1.506.368.015)	(8.719.609.164)	12.763.500.000	43.125.000.000
- OGC	600.004	-	6.675.042.520	-	-	-	(194.999.320)	-	6.480.043.200	-
- PGS	-	400.000	-	6.825.113.288	-	-	-	(25.113.288)	-	6.800.000.000
- PHC	416.750	425.050	5.580.577.690	6.051.383.838	-	-	(3.913.577.690)	(4.308.678.838)	1.667.000.000	1.742.705.000
- PHT	-	927.925	-	10.487.464.723	-	-	-	(4.919.914.723)	-	5.567.550.000
- PID	250.000	250.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	(775.000.000)	(750.000.000)	1.725.000.000	1.750.000.000
- PVX	54	54	297.009	248.426	-	48.574	(135.009)	-	162.000	297.000
- PVD	-	80	-	3.982.703	-	-	-	(982.703)	-	3.000.000
- REE	-	130.000	-	1.979.768.786	-	178.231.214	-	-	-	2.158.000.000
- S96	95	95	1.001.578	1.001.578	-	-	(697.578)	(602.578)	304.000	399.000
- SHB	22.531.538	22.231.538	205.454.957.099	203.084.957.099	-	-	(49.987.344.899)	(71.918.882.899)	155.467.612.200	131.166.074.200
- SJS	7	35.007	197.796	1.313.030.894	-	-	(68.296)	(549.878.294)	129.500	763.152.600
- SSI	950.000	360.000	17.021.350.478	5.535.656.084	78.649.522	332.343.916	-	-	17.100.000.000	5.868.000.000
- TSC	130.000	200.000	1.904.471.600	2.930.658.171	-	-	(734.471.600)	(1.630.658.171)	1.170.000.000	1.300.000.000
- VIC	8	1	504.890	66.000	55.110	-	-	-	560.000	66.000

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị thực		Giảm so với giá trị thực		Tổng giá trị theo giá trị thực	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- VRC	2.800.004	2.822.874	43.372.775.703	43.727.037.833	-	-	(28.252.754.103)	(28.765.805.633)	15.120.021.600	14.961.232.200
- HSG	345.023	3	14.903.661.796	51.838	-	5.762	(654.211.896)	-	14.249.449.900	57.600
- PET	1.010.002	2	22.217.799.332	29.703	-	-	(1.209.757.732)	(4.703)	21.008.041.600	25.000
Các dịch vụ khác	-	-	82.419.893	135.179.819	7.325.687	1.633.813	(41.920.880)	(71.300.732)	47.824.700	65.512.900
Chi phí Upcom			2.034.350	2.034.350	-	-	(1.824.750)	(1.903.050)	209.600	131.300
- VSP	41	41	1.405.350	1.405.350	-	-	(1.339.750)	(1.352.050)	65.600	53.300
- VTA	60	60	629.000	629.000	-	-	(485.000)	(551.000)	144.000	78.000
Chi phí nghiên cứu và phát triển			1.504.052.588	302.588	16.250.000	-	(259.088)	(293.588)	1.520.043.500	9.000
- PXH	150.000	-	1.503.750.000	-	16.250.000	-	-	-	1.520.000.000	-
- MCV	10	10	236.000	236.000	-	-	(200.000)	(236.000)	36.000	-
- NTB	3	3	66.588	66.588	-	-	(59.088)	(57.588)	7.500	9.000
			339.569.721.182	341.824.209.736	164.781.840	595.388.068	(87.273.795.122)	(123.084.686.604)	252.460.707.900	219.334.911.200

6. CÁC KHOẢN PHÍ THU NGẬP NHẬP

	Đầu năm			Sinh phát trong năm		Cuối năm			Tăng giảm phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phí thu của khách hàng	428.000.000	330.000.000	-	8.622.763.650	4.911.833.650	4.138.930.000	330.000.000	-	(231.000.000)
- Phí thu dịch vụ tín dụng	428.000.000	330.000.000	-	8.433.737.650	4.727.807.650	4.133.930.000	330.000.000	-	(231.000.000)
- Phí thu hoạt động khác	-	-	-	189.026.000	184.026.000	5.000.000	-	-	-
Trợ thu cho người bán	85.615.695.000	-	-	835.002.500	628.000.000	85.822.697.500	-	-	-
- Trợ thu dịch vụ tín dụng	615.695.000	-	-	835.002.500	628.000.000	822.697.500	-	-	-
- Trợ thu tín dụng bất động sản xây dựng tòa nhà văn phòng	85.000.000.000	-	-	-	-	85.000.000.000	-	-	-
Phí thu hoạt động giao dịch chứng khoán	19.027.182.356	-	18.957.182.356	5.256.095	2.118.822.112	16.913.616.339	16.913.616.339	-	-
- Phí thu Sở Giao dịch chứng khoán	-	-	-	5.256.095	5.256.095	-	-	-	-
- Phí thu khách hàng ví giao dịch chứng khoán	18.957.182.356	-	18.957.182.356	-	2.043.566.017	16.913.616.339	16.913.616.339	-	-
- Phí thu từ chức phát hành (bỏ lãnh phát hành) chứng khoán	70.000.000	-	-	-	70.000.000	-	-	-	-
Các khoản phí thu khác	552.416.005.808	337.805.954.589	-	8.130.706.128.989	7.875.042.938.644	808.079.196.153	342.161.180.997	-	(209.797.004.896)
- Phí thu ngân quỹ tín dụng bán chứng khoán cho nhà đầu tư	31.449.331.476	-	-	3.524.485.975.570	3.512.209.447.811	43.725.859.235	-	-	-
- Phí thu hình phạt đóng hình phạt ba bên	106.366.864.555	1.983.265.919	-	1.963.811.529.214	1.926.817.322.238	143.361.071.531	-	-	-
- Phí thu hình phạt đóng margin	371.313.428.454	303.844.321.036	-	2.599.103.437.723	2.388.331.727.811	582.085.138.366	305.527.683.003	-	(190.629.397.085)
- Phí thu hình phạt khác cho nhà đầu tư	9.915.067.273	8.808.931.274	-	-	313.971.624	9.601.095.649	8.999.400.241	-	(2.738.380.623)
- Phí thu lãi tín dụng, tín dụng cho vay	20.480.985.352	20.279.922.120	-	20.168.134.094	23.940.909.346	16.708.210.100	16.244.583.513	-	(12.887.827.448)
- Phí thu cấp tín dụng, lãi nhu cầu cấp chia	820.000.000	820.000.000	-	7.072.345.695	7.072.345.695	820.000.000	820.000.000	-	(246.000.000)
- Phí thu khác	12.070.328.698	2.069.514.240	-	16.064.706.693	16.357.214.119	11.777.821.272	10.569.514.240	-	(3.295.399.740)
	657.486.883.164	338.135.954.589	18.957.182.356	8.140.169.151.234	7.882.701.594.406	914.954.439.992	359.404.797.336	-	(210.028.004.896)

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Từ ngày đầu năm	201.158.339.572	108.600.710.442
Trích lập	8.869.665.324	92.557.629.130
Từ ngày cuối năm	210.028.004.896	201.158.339.572

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	97.314.712	108.172.449
	97.314.712	108.172.449

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.188.448.530	12.188.448.530
	12.188.448.530	12.188.448.530

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	532.629.495	678.846.394
Các khoản thanh toán, ký quỹ, ký cược	64.138.500	64.688.500
	596.767.995	743.534.894

10. TÀI SẢN CẬP ĐÍNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Từ ngày 01/01/2013	19.096.841.419	19.096.841.419
Mua sắm	90.000.000	90.000.000
Giảm do hết thời gian sử dụng	(90.000.000)	(90.000.000)
Giảm theo hình thức dồn tích Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(151.012.597)	(151.012.597)
Từ ngày 31/12/2013	18.945.828.822	18.945.828.822
Giá trị hao mòn lũy kế		
Từ ngày 01/01/2013	11.517.493.546	11.517.493.546
Trích khấu hao	3.222.046.589	3.222.046.589
Giảm do hết thời gian sử dụng	(90.000.000)	(90.000.000)
Giảm theo hình thức dồn tích Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(122.768.627)	(122.768.627)
Từ ngày 31/12/2013	14.526.771.508	14.526.771.508
Giá trị còn lại		
Từ ngày 01/01/2013	7.579.347.873	7.579.347.873
Từ ngày 31/12/2013	4.419.057.314	4.419.057.314

11. TÀI SẢN CẬP ĐÌNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phụ tùng tiêu dùng, sửa chữa, thay thế	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Từ ngày 01/01/2013	12.285.362.264	3.294.576.582	752.527.565	16.332.466.411
Mua sắm	1.423.981.599	-	-	1.423.981.599
Thanh lý, nhượng bán	(1.021.745.353)	-	(111.606.725)	(1.133.352.078)
Ghi giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT -BTC ngày 25/04/2013	(2.949.408.305)	-	(319.123.127)	(3.268.531.432)
Từ ngày 31/12/2013	9.738.190.205	3.294.576.582	321.797.713	13.354.564.500
Giá trị hao mòn lũy kế				
Từ ngày 01/01/2013	10.195.935.374	2.423.140.616	466.478.579	13.085.554.569
Trích khấu hao	2.135.700.320	373.294.387	86.313.946	2.595.308.653
Thanh lý, nhượng bán	(924.654.853)	-	(97.398.344)	(1.022.053.197)
Ghi giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT -BTC ngày 25/04/2013	(2.767.214.979)	-	(238.210.750)	(3.005.425.729)
Từ ngày 31/12/2013	8.639.765.862	2.796.435.003	217.183.431	11.653.384.296
Giá trị còn lại				
Từ ngày 01/01/2013	2.089.426.890	871.435.966	286.048.986	3.246.911.842
Từ ngày 31/12/2013	1.098.424.343	498.141.579	104.614.282	1.701.180.204

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trước		Giảm so với giá trị trước		Tổng giá trị theo giá trị trước	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chỉ định khoản sẵn sàng để bán			64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.200.000.000)	(19.800.000.000)	45.600.000.000	45.000.000.000
Chỉ định khoản chứng khoán dài hạn			64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.200.000.000)	(19.800.000.000)	45.600.000.000	45.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB										
- Vinacomin	3.000.000	3.000.000	64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.200.000.000)	(19.800.000.000)	45.600.000.000	45.000.000.000
			64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.200.000.000)	(19.800.000.000)	45.600.000.000	45.000.000.000

13. CHI PHÍ TRÚY TRÚY C DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Từ ngày đầu năm	2.380.813.977	6.830.839.546
Tăng	5.910.104.801	14.080.597.195
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(6.523.363.507)	(18.530.622.764)
Ghi khác	(10.500.000)	-
Từ ngày cuối năm	1.757.055.271	2.380.813.977

Trong đó chi phí tài sản dở cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ	121.607.133	141.035.910
Chi phí sửa chữa lắp đặt TSCĐ phân bổ	1.075.978.749	1.812.828.990
Chi phí thuê vốn phân bổ	323.041.172	304.363.262
Chi phí trả trước dài hạn khác	236.428.217	122.585.815
Tổng cộng	1.757.055.271	2.380.813.977

14. TIỀN NỢ P QUẢN LÝ TRÚY THANH TOÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.378.052.515	2.364.377.161
Tiền lãi phân bổ trong năm	575.280.587	279.798.369
Số dở cuối năm	4.073.333.102	2.764.175.530

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	162.000.000.000	6.006.000.000.000	(5.838.000.000.000)	330.000.000.000
Vay ngân hàng	162.000.000.000	6.006.000.000.000	(5.838.000.000.000)	330.000.000.000
Nợ ngắn hạn	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-
Nợ ngắn hạn	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-
Tổng cộng	312.000.000.000	6.006.000.000.000	(5.988.000.000.000)	330.000.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	42.000.000.000
Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	330.000.000.000	120.000.000.000
Tổng cộng	330.000.000.000	162.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(*) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội bao gồm 02 hợp đồng tín dụng:

(1) Hợp đồng tín dụng số 3112/2013/HĐTD/NH-PN/SHB Hà Nội ngày 31/12/2013 với các điều khoản chi tiết sau:

+ Ngân hàng cho vay số tiền: 180.000.000.000 VND;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

+ Thời hạn vay: từ 31/12/2013 đến 02/01/2014;

+ Lãi suất cho vay: 9%/năm;

+ Các hình thức bảo đảm tín dụng: khoản vay được bảo đảm bằng tài khoản tiền gửi thanh toán số 1001085133 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng cầm cố tài sản số 3112/2013/HĐCC-PN/SHB Hà Nội ngày 31/12/2013;

+ Số tiền vay tại thời điểm 31/12/2013 là 180 tỷ đồng.

(2) Hợp đồng hùn ṃc tín ḍng s̄ 49.2013/HDHM - PN/SHB.HO ngày 21/05/2013 và các ph̄ l̄c, kh̄ l̄c kèm theo, v̄i các đīu khōn chi tīt sau:

+ Giá tr̄ hùn ṃc tín ḍng: 400.000.000.000 VND;

+ Ṃc đích vay: B̄ sung v̄n cho hōt đ̄ng h̄p tác kinh doanh ký qū ch̄ng khoán;

+ Th̄i h̄n vay: đ̄ c̄ quy đ̄nh c̄ th̄ t̄i m̄i kh̄ l̄c nh̄n n̄ nh̄ng t̄i đa không quá 12 tháng;

+ Lãi sūt cho vay: đ̄ c̄ quy đ̄nh c̄ th̄ trên t̄ng kh̄ l̄c nh̄n n̄ ;

+ Các hình th̄ c b̄o đ̄m t̄n vay: Bao ḡm các c̄ phīu nīm ȳt và ch̄a nīm ȳt mà Công ty C̄ ph̄n Ch̄ng khoán Sài Gòn - Hà N̄i đang n̄m gī , t̄ng giá tr̄ tài s̄n đ̄m b̄o là 231.066.700.000 đ̄ng (theo Ph̄ l̄c H̄p đ̄ng c̄m c̄ tài s̄n s̄ 24/045/2012/HĐCC-PN/SHB-SHS ngày 31/12/2013);

+ S̄ đ̄ n̄ vay t̄i th̄i đīm 31/12/2013 là 150 t̄ đ̄ng.

16. THŪ VÀ CÁC KHŌN PH̄ I N̄ P NHÀ N̄ C

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thū Giá tr̄ gia tăng	138.413.924	66.856.433
Thū Thu nh̄p cá nhân	1.531.417.478	583.183.887
	1.669.831.402	650.040.320

Quȳt toán thū c̄a Công ty s̄ ch̄u s̄ kīm tra c̄a c̄ quan thū. Do vīc áp đ̄ng lūt và các qui đ̄nh v̄ thū đ̄i v̄i nhīu lōi giao đ̄ch khác nhau có th̄ đ̄ c̄ gīi thích theo nhīu cách khác nhau, s̄ thū đ̄ c̄ trình bày trên Báo cáo tài chính có th̄ b̄ thay đ̄i theo quȳt đ̄nh c̄a c̄ quan thū.

17. CHI PHÍ PH̄ I TR̄

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay ph̄i tr̄	88.750.000	9.135.388.958
Chi phí c̄ h̄i h̄p đ̄ng môi gī i ch̄ng khoán	8.840.770.400	-
Thù lao H̄i đ̄ng Qūn tr̄, Ban kīm soát	208.830.000	402.420.000
Chi phí ph̄i tr̄ khác	2.384.391.414	2.706.630.818
	11.522.741.814	12.244.439.776

18. CÁC KHŌN PH̄ I TR̄ , PH̄ I N̄ P NḠ N H̄ N KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31.306.825	21.841.110
Nh̄n ký qū, ký c̄ c̄ nḡn h̄n	178.190.820.561	147.268.297.244
Ph̄i tr̄ nhà đ̄u t̄ v̄ giao đ̄ch ch̄ng khoán	-	133.290.359.872
Ph̄i tr̄ c̄ t̄ c̄ cho c̄ đồng	317.102.449	317.102.449
Ph̄i tr̄ h̄p đ̄ng h̄p tác ba bên	143.361.071.531	106.366.864.555
Nh̄n t̄n đ̄t c̄ c̄ H̄p đ̄ng môi gī i ch̄ng khoán (*)	462.610.241.013	-
Các khōn ph̄i tr̄, ph̄i n̄ p khác	516.966.230	2.177.210.285
	785.027.508.609	389.441.675.515

(*) Đây là khōn Công ty nh̄n t̄n đ̄t c̄ c̄ khách hàng đ̄ th̄ c̄ hīn vīc tìm mua ch̄ng khoán theo yêu c̄u c̄a khách hàng. Trong tr̄ng h̄p Công ty không tìm mua đ̄ c̄ ch̄ng khoán trong th̄i gian hīu l̄ c̄ c̄ h̄p đ̄ng, Công ty s̄ ph̄i hoàn tr̄ t̄n c̄ c̄ cho khách hàng kèm theo m̄t khōn phí c̄ h̄i theo th̄a thūn. Khōn phí c̄ h̄i này đ̄ c̄ Công ty trích tr̄ c̄ trên khōn m̄c Chi phí ph̄i tr̄ vào cūi m̄i tháng.

19. PHÍ I TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHẾ NG KHOẢN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phí i trả S Giao dịch chế ng khoản	-	138.881.600
Phí i trả v chế ng khoản giao, nh n đổi lý phát hành	-	164.284.108
Phí i trả Trung tâm l u ký chế ng khoản	-	153.638.724
Phí i trả nhà đầu tư	5.087.981.600	-
	5.087.981.600	456.804.432

20. DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu	134.985.669.030	365.883.972.595
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới i chế ng khoản	25.016.368.852	21.221.589.791
- Doanh thu hoạt động đầu tư chế ng khoản, góp v n	50.836.525.994	273.263.660.814
- Doanh thu báo lãnh phát hành chế ng khoản	5.952.985.650	-
- Doanh thu hoạt động tài v n	7.204.294.616	2.617.376.868
- Doanh thu l u ký chế ng khoản	2.750.400.536	1.358.663.158
- Doanh thu hoạt động y thác đầu giá	4.778.268	14.795.834
- Doanh thu khác	43.220.315.114	67.407.886.130
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.009.895.925)	(101.754.938)
Doanh thu thuần v hoạt động kinh doanh	133.975.773.105	365.782.217.657

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới i chế ng khoản	4.601.186.689	3.928.120.760
Chi phí hoạt động đầu tư chế ng khoản, góp v n	22.502.643.564	115.064.134.040
Chi phí báo lãnh, đổi lý phát hành chế ng khoản	2.805.287.085	-
Chi phí hoạt động tài v n	1.397.239.090	938.535.821
Chi phí hoạt động l u ký chế ng khoản	2.215.755.558	1.972.579.320
Chi phí phòng	(36.410.891.482)	(29.873.870.981)
Chi phí khác	65.310.960.686	84.795.888.871
Chi phí trích t p chung	25.496.398.401	29.485.203.679
	87.918.579.591	206.310.591.510

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP P

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.825.211.363	15.630.701.138
Chi phí vật li u, công c d ng c	693.179.951	1.250.287.401
Chi phí khấu hao tài sản c đ nh	2.914.593.418	2.956.857.087
Thu , phí và l phí	394.378.181	249.560.874
Chi phí phòng	8.869.665.324	92.557.629.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.694.006.453	11.184.856.477
Chi phí khác b ng t n	3.907.710.909	5.109.475.217
	34.298.745.599	128.939.367.324

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chủ phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2012							
Thời ngày 01/01/2012	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(378.233.824.050)	743.291.339.602
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	30.791.360.767	30.791.360.767
Thời ngày 31/12/2012	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(347.442.463.283)	774.082.700.369
Năm 2013							
Thời ngày 01/01/2013	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(347.442.463.283)	774.082.700.369
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	11.621.382.248	11.621.382.248
Thời ngày 31/12/2013	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(335.821.081.035)	785.704.082.617

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Công Ty CP Tập đoàn T&T	123.270.000.000	12,33%	123.270.000.000	12,33%
Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	82.180.000.000	8,22%	82.180.000.000	8,22%
Vốn góp của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	82.180.000.000	8,22%	82.180.000.000	8,22%
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Cường	70.645.380.000	7,06%	70.645.380.000	7,06%
Vốn góp của các cổ đông khác	641.724.620.000	64,17%	641.724.620.000	64,17%
	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000	100%

c) Các giao dịch và vốn và các chi phí và phân phối của tài sản, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của các chi phí và	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

d) Công phí

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng công phí đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng công phí đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Công phí thông	100.000.000	100.000.000
Số lượng công phí được mua lại	155.000	155.000
- Công phí thông	155.000	155.000
Số lượng công phí đang lưu hành	99.845.000	99.845.000
- Công phí thông	99.845.000	99.845.000
Mệnh giá công phí đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

24. THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.621.382.248	30.791.360.767
Các khoản điều chỉnh giảm	(425.454.229.882)	(447.174.706.074)
- Chi phí, lợi nhuận được chia	(9.070.884.575)	(25.188.485.428)
- Chuyển đổi các năm trước	(416.383.345.307)	(421.986.220.646)
Tổng thu nhập tính thuế	(413.832.847.634)	(416.383.345.307)
Thu suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)
Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)

25. Lãi công phí trên công phí

Việc tính toán lãi công phí trên công phí có thể phân phối cho các công đồng và hiện tại công phí thông của Công ty được tính hiện tại trên các số liệu sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	11.621.382.248	30.791.360.767
Lợi nhuận phân bổ cho công phí thông	11.621.382.248	30.791.360.767
Công phí thông lưu hành bình quân trong năm	99.845.000	99.845.000
Lãi công phí trên công phí	116	308

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Giá trị sổ kế toán			
31/12/2013		01/01/2013	
Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản thanh toán			
Đang tiến hành	892.685.928.463	-	739.501.000.366
Phí thu khách hàng, phí thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phí thu	829.131.742.492	(210.028.004.896)	571.871.188.164
			(201.158.339.572)

khác				
Đầu tư ngắn hạn	339.569.721.182	(87.273.795.122)	341.824.209.736	(123.084.686.604)
Đầu tư dài hạn	64.800.000.000	(19.200.000.000)	64.800.000.000	(19.800.000.000)
	2.126.187.392.137	(316.501.800.018)	1.717.996.398.266	(344.043.026.176)
	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013	01/01/2013		
	VND	VND		
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	330.000.000.000	312.000.000.000		
Phải trả ngắn hạn, phải trả hàng giao dịch chứng khoán, phải trả khác	790.224.931.329	389.988.373.017		
Chi phí phải trả	11.522.741.814	12.244.439.776		
	1.131.747.673.143	714.232.812.793		

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nếu không đưa ra các bằng chứng đáng tin cậy cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm giảm thiểu sự cân bằng về mặt hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban

Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, thời gian đầu tư thúc đẩy tài chính Công ty của có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đồng và tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thời kỳ khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình đến đến thời

vốn tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Từ ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản thanh toán				
Đầu tiên	892.685.928.463	-	-	892.685.928.463
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	619.103.737.596	-	-	619.103.737.596
Đầu tiên ngắn hạn	252.295.926.060	-	-	252.295.926.060
Đầu tiên dài hạn	-	45.600.000.000	-	45.600.000.000
	1.764.085.592.119	45.600.000.000	-	1.809.685.592.119
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Từ ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản thanh toán				
Đầu tiên	739.501.000.366	-	-	739.501.000.366
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	370.712.848.592	-	-	370.712.848.592
Đầu tiên ngắn hạn	218.739.523.132	-	-	218.739.523.132
Đầu tiên dài hạn	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
	1.328.953.372.090	45.000.000.000	-	1.373.953.372.090

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Từ ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	330.000.000.000	-	-	330.000.000.000
Phải trả ngắn hạn bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	790.199.931.329	25.000.000	-	790.224.931.329
Chi phí phải trả	11.522.741.814	-	-	11.522.741.814
	1.131.722.673.143	25.000.000	-	1.131.747.673.143
Từ ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000
Phải trả ngắn hạn bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	389.963.373.017	25.000.000	-	389.988.373.017
Chi phí phải trả	12.244.439.776	-	-	12.244.439.776
	714.207.812.793	25.000.000	-	714.232.812.793

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TÀI SẢN NGUYÊN ĐƠN NG TIỀN DOANH NGHIỆP P N M GI NH NG KHÔNG Đ C S D NG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	183.331.258.161	134.266.540.304
	183.331.258.161	134.266.540.304

28. CÔNG NỢ TIỀN TÀNG, VÀ VI C PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Ngày 15/6/2010, Công ty Cổ phần Ô tô Giời Phóng (GMC) và Công ty Cổ phần Chế tạo Khoán Sài Gòn- Hà Nội (SHS) ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn và báo lãnh phát hành cổ phiếu số 273/2010/HĐTV&BL-SHS (Hợp đồng).

Ngày 04/10/2010, GMC và SHS ký Cam kết báo lãnh phát hành cổ phiếu (Cam kết báo lãnh) theo đó SHS nhận báo lãnh phát hành cổ phiếu cho GMC phát hành cho cổ đông hiện hữu (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng được UBCKNN cấp) theo phương thức cam kết mua toàn bộ số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu còn lại không phân phối hết, với giá 12.000 đồng/cổ phần.

Trong đợt phát hành, GMC chỉ bán được 163.362 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Đến khi hết thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng (kể từ thời hạn được phép gia hạn theo quy định), GMC mới thông báo và yêu cầu SHS thực hiện nghĩa vụ mua 7.047.675 cổ phiếu chưa phân phối hết. Do đó, SHS không thực hiện yêu cầu của GMC.

GMC đã tiến hành khởi kiện với SHS tại Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm yêu cầu SHS thực hiện 50% trách nhiệm báo lãnh phát hành, tức mua 3.523.842 cổ phần với giá 12.000 đồng/cổ phần tương đương với 42.861.100.000 đồng. Trong các ngày 23/12/2013 và ngày 30/12/2013, Tòa án nhân dân quận Hoàn

Kiểm, Hà Nội đã đưa vụ án tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn và báo lãnh phát hành chế tạo khoán giấy nguyên đơn là GMC và bị đơn là SHS ra xét xử sơ thẩm. Ngày 06/01/2014, SHS đã nhận được bản án Dân sự sơ thẩm số 15/2013/KDTM-ST ngày 30/12/2013 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội tuyên xử như sau: Do có hai bên đều có lỗi trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình, nên do GMC đã không chấp hành nộp một số lượng cổ phiếu không bán hết để báo cho SHS thực hiện nghĩa vụ khi thời hạn phát hành vẫn còn nên GMC phải chịu 70% lỗi, SHS phải chịu 30% lỗi. Vì vậy, SHS có nghĩa vụ mua 2.114.305 cổ phần với giá 12.000 đồng/cổ phần tương đương 25.371.666.000 đồng. Hai bên thực hiện việc chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật chế tạo khoán. Thời điểm tuyên án, bản án chưa có hiệu lực và các bên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

SHS hoàn toàn không đồng ý với phán quyết của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm. Do đó ngày 07/01/2014, SHS đã nộp đơn kháng cáo nội dung của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật được nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét lại toàn bộ vụ án theo trình tự xét xử phúc thẩm. Như hiện nay cuối cùng của vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên phán quyết có hiệu lực của Tòa án có thẩm quyền. Công ty chưa phản ánh bất kỳ sự liên quan đến vụ việc này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013.

29. NH NG S KI N PHÁT SINH SAU NGÀY K T THỨC KỲ K TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

30. BÁO CÁO BẢNG PHỤ LỤC

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chi nhánh	Hoạt động đầu tư tư doanh	Kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Các bộ phận khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	25.016.368.852	50.836.525.994	44.945.855.622	13.157.280.266	19.742.371	133.975.773.105
Chi phí bộ phận trực tiếp	38.168.980.715	(12.413.893.247)	62.967.446.934	6.364.756.510	27.130.034.278	122.217.325.190
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(13.152.611.863)	63.250.419.241	(18.021.591.312)	6.792.523.756	(27.110.291.907)	11.758.447.915
Tài sản bộ phận trực tiếp	5.909.693.250	309.892.918.391	901.689.612.540	4.157.518.591	-	1.221.649.742.772
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	700.998.460.646
Tổng tài sản	5.909.693.250	309.892.918.391	901.689.612.540	4.157.518.591	-	1.922.648.203.418
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	987.245.296.189	1.062.000.000	-	988.307.296.189
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	148.636.824.612
Tổng nợ phải trả	-	-	987.245.296.189	1.062.000.000	-	1.136.944.120.801

Theo khu vực địa lý

	Hà Nội	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	111.636.996.933	18.062.881.241	4.275.894.931	133.975.773.105	133.975.773.105
Tài sản bộ phận	1.681.804.273.811	215.476.002.943	25.367.926.664	1.922.648.203.418	1.922.648.203.418
Nợ phải trả bộ phận	993.629.144.190	124.542.593.844	18.772.382.767	1.136.944.120.801	1.136.944.120.801

31. NGHỊ P V VÀ S D V I CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch v i các bên liên quan nh sau:

	M i quan h	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
C t c nh n đ c trong kỳ			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà N i	(*)	198.512.000	9.186.586.000
T ng Công ty CP B o hi m SHB - Vinacomin	(*)	1.800.000.000	3.000.000.000
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà N i	(*)	2.275.360.914	16.827.333.350

S d v i các bên liên quan t i ngày k t thúc kỳ k toán:

	M i quan h	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
Đ u t c phí u			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà N i	(*)	205.454.957.099	203,084,957,099
T ng Công ty CP B o hi m SHB - Vinacomin	(*)	64.800.000.000	64,800,000,000
Ph i tr v h p tác ba bên			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà N i	(*)	75.771.429.789	66,163,914,500
Khách hàng ng tr c			
T ng Công ty CP B o hi m SHB - Vinacomin	(*)	50.000.000	50,000,000
S d vay và n ng n h n			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà N i	(*)	330.000.000.000	120,000,000,000

(*) Ch t l ch H i đ ng Qu n tr Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn - Hà N i đ ng th i là Ch t l ch c a các t ch c này.

Giao dịch v i các bên liên quan khác nh sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nh p c a Ban T ng Giám đ c và H i đ ng Qu n tr	4.955.186.726	6.268.564.853

32. S L I U SO SÁNH

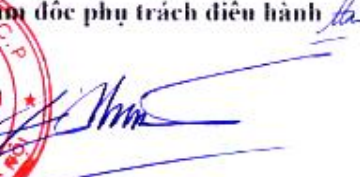
S l i u so sánh là s l i u trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính k t thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã đ c Công ty TNHH Dịch v T v n Tài chính K toán và K m toán (AASC) (nay là Công ty TNHH H ng K m toán AASC) k m toán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Hoàng Thị Thu Hằng	Trần Sỹ Tiến	Hoàng Đình Lợi

CÔNG TY CPCK SÀI GÒN - HÀ NỘI

Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành



Vũ Đức Tiến